

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong những thập kỷ gần đây, du lịch đã trở thành ngành kinh tế quan trọng, mũi nhọn của nhiều quốc gia trên thế giới. Du lịch đã mang lại hiệu quả về kinh tế- xã hội và môi trường ở nhiều quốc gia trên thế giới cũng như ở Việt Nam.

Du lịch là ngành kinh tế có định hướng tài nguyên rõ rệt. Tài nguyên du lịch được coi là mục đích đi du lịch của du khách, là những nguồn lực quan trọng nhất, mang tính quyết định sự phát triển ngành du lịch. Tài nguyên du lịch là cơ sở để hình thành phát triển các hệ thống lãnh thổ du lịch.

Du lịch không chỉ đem lại lợi ích kinh tế mà còn góp phần nâng cao đời sống tinh thần cho mọi người, tạo ra sự giao lưu hữu nghị giữa các quốc gia trong khu vực và trên toàn thế giới thu hút vốn đầu tư tạo công ăn việc làm cho người lao động, tăng thu nhập kinh tế quốc dân cho đất nước . Trong điều kiện kinh tế phát triển như hiện nay, du lịch là nhu cầu không thể thiếu được trong đời sống văn hoá xã hội và hoạt động du lịch đang được phát triển một cách mạnh mẽ. Du lịch không chỉ để con người nghỉ ngơi vui chơi giải trí, mà còn thoả mãn nhu cầu về mặt tinh thần. Mỗi quốc gia, mỗi dân tộc, mỗi tỉnh thành đều có những nét đặc trưng riêng về tự nhiên, lịch sử, văn hoá, truyền thống...thu hút khách du lịch .

Trong thời buổi công nghiệp hoá, hiện đại hoá như ngày nay khi mà đời sống vật chất của con người ngày càng được nâng cao, con người có nhiều thời gian nghỉ ngơi thì mọi người thường có xu hướng được hưởng thụ thành quả của mình. Con người ngày càng muốn đi du lịch nhiều hơn, được thưởng ngoạn những phong cảnh đẹp hoặc có người thì lại muốn tìm về với quá khứ như một sự tưởng nhớ, ngưỡng mộ những thế hệ đã đi trước thì đây chính là điều kiện để du lịch phát triển. Và thực tế cho thấy những đất nước nào phát triển thì đều có ngành du lịch phát triển kèm theo. Cũng có quốc gia lấy du lịch làm ngành kinh tế chính của đất nước.

Việt nam là đất nước giàu tiềm năng du lịch cả về tài nguyên tự nhiên lẫn tài nguyên nhân văn thuận lợi cho phát triển du lịch. Đảng và chính phủ cũng đã đưa ngành du lịch Việt Nam làm ngành kinh tế mũi nhọn. Du lịch ngày càng được quan tâm đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất hạ tầng đầy đủ và doanh thu từ hoạt động du lịch trong những năm vừa qua đã góp phần không nhỏ vào nền kinh tế chung của cả nước. Đó là doanh thu từ các hoạt động khai thác các tài nguyên du lịch của các địa phương, các vùng miền trong cả nước .

Khoái Châu là huyện có tiềm năng du lịch khá phong phú cả về tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn. Tuy nhiên trong những năm qua tỉnh bộ Hưng Yên, cũng như huyện Khoái Châu chưa thực sự quan tâm đầu tư, tôn tạo khai thác cho hoạt động du lịch hợp lý theo hướng bền vững có kế hoạch, do điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật và cơ sở hạ tầng còn thiếu thốn và yếu kém, các tài nguyên chưa được khai thác hết phần lớn các tài nguyên tự nhiên và tài nguyên nhân văn vẫn còn ở dạng tiềm năng. Sự phát triển còn mang tính tự phát, thiếu sự đánh giá đúng đắn về tài nguyên du lịch để đề ra chính sách giải pháp phù hợp chính. Do đó doanh thu từ hoạt động du lịch của huyện còn thấp chưa tương xứng với tiềm năng của huyện, vì vậy khai thác có hiệu quả tài nguyên du lịch, sử dụng khai thác các di tích lịch sử, văn hoá cảnh quan môi trường cần được chú ý đầu tư để có thể phát triển một cách bền vững và khai thác các tiềm năng một cách có hiệu quả nhất.

Từ những lý do trên em đã chọn đề tài “ Nghiên cứu tiềm năng du lịch của huyện Khoái Châu tỉnh Hưng Yên” làm khoá luận tốt nghiệp của mình với mong muốn được giới thiệu về các cảnh quan của tỉnh nhà, đóng góp một phần nhỏ vào việc phát triển du lịch của huyện nói riêng và của tỉnh Hưng Yên nói chung.

2. Mục đích và nhiệm vụ của đề tài

Đề tài nghiên cứu nhằm mục đích tìm ra tiềm năng du lịch tự nhiên và nhân văn của huyện Khoái Châu, nhằm thúc đẩy ngành du lịch của huyện nói riêng và của tỉnh nói chung từng bước phát triển với tiến trình phát triển du lịch của đất nước và quốc tế. Việc đưa ra đề tài cũng nhằm mục đích đánh giá nhìn

nhận các tài nguyên du lịch của huyện một cách chân thực nhất, đánh giá hiện trạng của các tài nguyên một cách rõ nét nhất. Trên cơ sở đó đề ra các giải pháp nhằm góp phần đưa du lịch huyện phát triển.

Để đạt được các mục tiêu trên, đề tài cần thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Đưa ra cơ sở luận chung về các điều kiện phát triển du lịch
- Đánh giá tiềm năng du lịch của huyện Khoái Châu
- Đánh giá hiện trạng hoạt động và đưa ra các giải pháp để phát triển du lịch của huyện.

3. Giới hạn và phạm vi nghiên cứu

Giới hạn nghiên cứu: Nghiên cứu các tiềm năng, điều kiện phát triển du lịch. Việc quản lý, sử dụng và khai thác các tài nguyên du lịch của huyện.

Phạm vi nghiên cứu: Du lịch là một lĩnh vực rộng bao gồm nhiều loại hình đa dạng khác nhau và cả những đòi hỏi khác nhau đối với các loại tài nguyên du lịch. Do vậy, đề tài chỉ lựa chọn một số dạng tài nguyên phổ biến được khách du lịch quan tâm như: Di tích lịch sử, các lễ hội, tham quan...

Tập trung đánh giá các tiềm năng của huyện, hiện trạng phát triển du lịch và đề xuất các giải pháp phát triển du lịch sao cho tương xứng với tài nguyên hiện có.

4. Phương pháp nghiên cứu

* Phương pháp khảo sát thực địa:

Khảo sát thực địa là phương pháp truyền thống trong nghiên cứu du lịch, đặc biệt là trong nghiên cứu tiềm năng, hiện trạng phát triển du lịch thông qua đó cho phép đề ra các giải pháp nhằm khắc phục những nhược điểm, phát huy ưu điểm. Đây là phương pháp khoa học nhất để thu được số liệu tương đối chính xác về số lượng khách, nghiên cứu sở thích và những dịch vụ mà họ quan tâm.

* Phương pháp thu thập và xử lý số liệu:

Đây là phương pháp quan trọng cho việc thực hiện đề tài. Để có được thông tin đầy đủ mọi mặt tự nhiên, kinh tế, xã hội trong khu vực. Cần tiến hành thu thập về nhiều lĩnh vực, nhiều nguồn sau đó xử lý.

5. Ý nghĩa của đề tài

Xác định cơ sở khoa học cho việc phát triển du lịch địa phương góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân.

Về mặt thực tiễn khảo sát điều tra, nghiên cứu của sinh viên là nguồn cần thiết cho việc nhìn nhận, đánh giá quy hoạch phát triển du lịch ở huyện đầu tư tương xứng.

6. Cấu trúc của khoá luận

Ngoài phần mở đầu và kết luận, khoá luận được chia thành 3 chương như sau:

Chương 1: Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển du lịch

Chương 2: Các điều kiện cung ứng du lịch của huyện Khoái Châu

Chương 3: Hiện trạng hoạt động du lịch huyện Khoái Châu và những giải pháp

CHƯƠNG 1: CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH

1.1 Cầu và các nhân tố tạo cầu du lịch

1.1.1 Khái niệm về nhu cầu du lịch

Nhu cầu du lịch là một loại nhu cầu xã hội đặc biệt và mang tính tổng hợp cao, biểu hiện mong muốn tạm thời rời nơi ở thường xuyên để đến với tự nhiên và văn hóa ở nơi khác, là nguyện vọng rất cần thiết của con người muốn được giải phóng khỏi sự căng thẳng, tiếng ồn, ô nhiễm môi trường ngày càng tăng tại các trung tâm công nghiệp để nghỉ ngơi, giải trí tăng cường sự hiểu biết, phục hồi sức khỏe... Nhu cầu du lịch thể hiện ở ba mức: Nhu cầu du lịch cá nhân, nhu cầu du lịch của nhóm người và nhu cầu du lịch xã hội.

Cầu trong du lịch là một bộ phận nhu cầu du lịch của xã hội có khả năng thanh toán về hàng hóa vật chất và dịch vụ du lịch đảm bảo sự đi lại, lưu trú tạm thời của con người ngoài nơi ở thường xuyên của họ.

Cầu trong du lịch là mắt xích trung gian đặc biệt giữa nhu cầu và tiêu dùng du lịch giữa các nước, giữa các địa phương. Cầu du lịch được đáp ứng thông qua chuyến đi và lưu lại ngoài nơi cư trú với khối lượng dịch vụ hàng hóa nhất định. Dịch vụ lưu trú, ăn uống không phải là mục đích của cầu hàng hóa nhất định.

Cầu du lịch được cấu thành bởi hai nhóm về dịch vụ du lịch và cầu về hàng hóa vật chất.

Cầu trong du lịch chủ yếu là cầu về dịch vụ, rất đa dạng, phong phú, có tính linh hoạt cao. Cầu du lịch có tính chu kỳ, nằm phân tán và cách xa cung về thời gian.

Các nhóm yếu tố ảnh hưởng đến cầu du lịch: Yếu tố tự nhiên, văn hóa, xã hội, kinh tế, chính trị, giao thông vận tải và các yếu tố khác. Mỗi nhóm yếu tố ảnh hưởng đến việc hình thành cầu khác nhau.

1.1.2 Sự phát triển của nền sản xuất

Đây là nhân tố quan trọng, mang tính quyết định đối với nhu cầu du lịch. Các nhà du lịch học đã chỉ ra rằng sự xuất hiện và mở rộng các nhu cầu khác nhau là kết quả của sự phát triển nền sản xuất. Sự phát triển của kinh tế đi đôi với gia tăng thu nhập của người lao động. Khi đời sống sản xuất của người dân được cải thiện, nhu cầu được hưởng thụ thành quả lao động của mình cũng từ đó mà tăng theo.

Nền kinh tế công nghiệp hóa, hiện đại hóa đòi hỏi con người vận dụng trí óc ngày càng nhiều tạo áp lực công việc, con người có nguy cơ stress và mệt mỏi tăng cao đòi hỏi thời gian nghỉ ngơi nhiều hơn và thường xuyên hơn. Vì vậy, du lịch đã xuất hiện như là một hình thức nghỉ ngơi, giải trí và phù hợp.

Mặt khác khi kinh tế phát triển nó sẽ đáp ứng nhu cầu phức tạp của du khách khi đi du lịch.

Công nghiệp phát triển tạo ra các vật liệu đa dạng để xây dựng các công trình du lịch.

Nông nghiệp phát triển đảm bảo nhu cầu ăn uống của du khách...

Giao thông vận tải là nhân tố quan trọng trong việc thúc đẩy nhu cầu du lịch của du khách: Ngày nay việc phát triển giao thông theo hai hướng:

+ Phát triển về số lượng: Phát triển lượng các phương tiện giao thông. Sự phát triển đã làm mạng lưới giao thông ùn tắc.

+ Phát triển về chất lượng gồm:

- Tốc độ vận chuyển: Việc tăng tốc độ phát triển cho phép tiết kiệm thời gian đi lại và kéo dài thời gian du lịch.

- Đảm bảo an toàn khi vận chuyển khách

- Đảm bảo tiện lợi trong vận chuyển.

1.1.3 Dân cư và đặc điểm kinh tế xã hội của dân cư

Dân cư chính là người đi du lịch, là người mà các nhà quản lý phải tìm hiểu khi muốn đầu tư xây dựng các loại hình du lịch. Các yếu tố cần xem xét ở đây là đặc điểm phân bố, mật độ, cấu trúc và đặc điểm kinh tế xã hội của cộng

đồng dân cư.

Điều kiện sống của người dân chính là yếu tố để phát triển du lịch. Khi đời sống của người dân được cải thiện, nhu cầu giải trí thiết yếu được tăng lên. Khi khả năng chi trả cho chi phí du lịch ngày càng cao thì con người ngày càng có xu hướng đi du lịch nhiều hơn.

Giáo dục là nhân tố kích thích nhu cầu du lịch. Khi trình độ giáo dục cao thì nhu cầu được hiểu biết và mong muốn tìm hiểu tự nhiên và các nền văn hóa mới từ đó tăng theo.

Mặt khác giáo dục liên quan tới vấn đề nghề nghiệp và thu nhập của người dân. Đối với những người có trình độ văn hóa cao hơn thì cơ hội tìm kiếm việc làm dễ hơn.

Kết cấu tuổi cũng là vấn đề cần quan tâm khi nghiên cứu nhu cầu du lịch của người dân. Ở mỗi độ tuổi khác nhau có nhu cầu nghỉ ngơi và tham gia các loại hình du lịch cũng khác nhau.

Nghiên cứu nhu cầu du lịch theo kết cấu tuổi sẽ giúp các nhà du lịch có thể tổ chức được các loại hình du lịch hợp lý, thu hút được lượng khách tối đa tham gia du lịch và đáp ứng tốt nhất nhu cầu của từng lứa tuổi.

Dân cư một mặt là người phục vụ du lịch, mặt khác là lực lượng lao động phục vụ cho ngành du lịch. Xu hướng tiến tới là tăng tỷ trọng của ngành du lịch, vì vậy đòi hỏi một lực lượng lao động tương đối lớn và có trình độ cao để đáp ứng các yêu cầu của du khách.

1.1.4 Thời gian nhàn rỗi

Đây là điều kiện không thể thiếu trong việc hình thành nhu cầu du lịch.

Thời gian nhàn rỗi của con người là mục tiêu khai thác của các nhà kinh doanh du lịch. Trong thời gian này con người có thể tham gia nhiều hoạt động như học tập, thư giãn, du lịch...

1.1.5 Quá trình đô thị hóa và sức ép môi trường

Đô thị hóa là kết quả của sự phát triển lực lượng sản xuất. Quá trình đô thị hóa làm xuất hiện một lối sống đặc biệt, lối sống thành thị, đồng thời hình thành

các thành phố lớn và cụm thành phố. Quá trình đô thị hóa thúc đẩy quá trình ô nhiễm môi trường ngày càng tăng cao. Nhiều trường hợp quá trình đô thị hóa làm giảm chất lượng môi trường, có ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người, mật độ dân số cao, tần số tiếp xúc giữa con người cũng lớn, quá trình đi lại ùn tắc, là nguyên nhân gây ra căng thẳng thần kinh.

Như vậy, mặt tích cực của quá trình đô thị hóa là làm cải thiện cuộc sống của người dân, nâng cao thu nhập. Quá trình đô thị hóa lại làm tăng nhu cầu đi du lịch của người dân thành phố. Nhiều kết quả nghiên cứu cho thấy rằng người dân thành phố có nhu cầu đi du lịch cao hơn so với nông thôn.

Mặt tiêu cực của quá trình đô thị hóa làm tăng mật độ dân số đối với các thành phố lớn, tách con người khỏi thế giới tự nhiên, thay đổi bầu không khí. Quá trình đô thị hóa làm cho môi trường các thành phố lớn ngày càng bị đe dọa bởi khí hậu, rác thải ... Người dân ngày càng có nhu cầu đi nghỉ cuối tuần về những nơi có không khí trong lành. Hoạt động du lịch là một hình thức nghỉ ngơi hấp dẫn đối với người dân ở thành phố.

1.2 Cung và khả năng cung ứng nhu cầu du lịch

1.2.1 Cung trong du lịch

Cung trong du lịch là khả năng cung cấp hàng hóa dịch vụ du lịch, nhằm đáp ứng nhu cầu du lịch, cung gồm toàn bộ hàng hóa du lịch đưa ra trên thị trường để bán với các mức giá khác nhau.

Cung du lịch chủ yếu ở dạng hiện vật, thường không có tính mềm dẻo linh hoạt, hạn chế về mặt số lượng và thường xuyên được tổ chức một cách thống nhất trên thị trường với tính chuyên môn cao.

Cũng như cầu du lịch, khi nói đến cung du lịch người ta hiểu cung du lịch được cấu thành bởi cung của từng cá nhân, là tổng mức cung của toàn bộ người bán trên thị trường. Trên thị trường du lịch, cũng như trên thị trường chung khối lượng hàng hóa dịch vụ du lịch được cung cấp trong khoảng thời gian xác định tăng lên khi giá của nó tăng lên.

1.2.2 Tài nguyên du lịch

1.2.2.1 Khái niệm tài nguyên du lịch

Tài nguyên du lịch là loại tài nguyên có những đặc điểm giống những loại tài nguyên nói chung, song có một số đặc điểm riêng gắn với sự phát triển của ngành du lịch.

Tài nguyên du lịch theo Pirojnik: “ Tài nguyên du lịch là những tổng thể tự nhiên, văn hoá - lịch sử và những thành phần của chúng, tạo điều kiện cho việc phục hồi và phát triển thể lực tinh thần của con người, khả năng lao động và sức khoẻ của họ, trong cấu trúc nhu cầu du lịch hiện tại và tương lai, trong khả năng kinh tế kỹ thuật cho phép, chúng được dùng để trực tiếp và gián tiếp sản xuất ra những dịch vụ du lịch và nghỉ ngơi”.

Theo PGS.TS Nguyễn Minh Tuệ cũng cho rằng: “ Tài nguyên du lịch là tổng thể tự nhiên và văn hoá lịch sử cùng các thành phần của chúng góp phần khôi phục, phát triển thể lực, trí tuệ của con người, khả năng lao động và sức khoẻ của họ. Những tài nguyên này được sử dụng cho nhu cầu trực tiếp và gián tiếp, cho việc sản xuất dịch vụ du lịch”.

Theo Luật du lịch Việt Nam năm 2005 quy định: “ Tài nguyên du lịch là cảnh quan thiên nhiên, yếu tố tự nhiên, di tích lịch sử văn hóa, công trình lao động sáng tạo của con người và các giá trị nhân văn khác có thể được sử dụng nhằm đáp ứng nhu cầu du lịch, là yếu tố cơ bản để hình thành các khu du lịch, điểm du lịch, tuyến du lịch, đô thị du lịch”.

Như vậy, tài nguyên du lịch được xem như là tiền đề phát triển du lịch. Tài nguyên du lịch càng phong phú đặc sắc có mức độ tập trung cao thì càng có sức hấp dẫn với du khách và có hiệu quả kinh doanh du lịch cao.

1.2.2.2 Đặc điểm và vai trò của tài nguyên du lịch

*** Đặc điểm của tài nguyên du lịch.**

Tài nguyên du lịch vốn có sẵn trong tự nhiên hoặc trong đời sống xã hội.

+ Tài nguyên du lịch phần lớn được sử dụng tại chỗ để tạo ra các sản phẩm du lịch. Du khách muốn thưởng thức các sản phẩm du lịch phải đến tận

nơi có tài nguyên du lịch đó. Đây là một đặc tính phân biệt các tài nguyên du lịch với các dạng tài nguyên khác. Những tài nguyên tự nhiên như sông, núi, rừng, biển, những tài nguyên văn hóa như các công trình kiến trúc, các di tích, danh lam đều có thể di dời. Ngay cả các di sản văn hóa phi vật thể thì cũng chỉ có một số loại hình có thể đưa đi phục vụ ở những nơi khác như ca múa nhạc dân tộc, trò chơi dân gian ... Tuy nhiên, ngay cả những loại hình này cũng chỉ thực sự phát huy hết giá trị của chúng ngay ở trên quê hương sản sinh ra chúng. Gần đây có một số lễ hội trình diễn cho du khách ở nơi khác, tuy nhiên điều này đã ảnh hưởng đến các giá trị vốn có và ít hấp dẫn du khách.

+ Tài nguyên du lịch có những loại có khả năng khai thác quanh năm, có loại ít nhiều lệ thuộc vào thời vụ. Sự lệ thuộc là do đặc điểm tự nhiên, khí hậu, phong tục tập quán, nghi lễ tôn giáo, đặc điểm các hoạt động xã hội tạo ra tính chất mùa vụ của hoạt động du lịch. Do vậy cần nghiên cứu các khía cạnh ưu thế của tài nguyên để hạn chế tính mùa vụ.

+ Tài nguyên du lịch không chỉ có giá trị hữu hình mà còn có giá trị vô hình. Bởi vì giá trị hữu hình tài nguyên du lịch là phương tiện vật chất trực tiếp tham gia vào việc hình thành lên các sản phẩm du lịch. Ví dụ, một số món ăn truyền thống là sản phẩm du lịch được hình thành trên cơ sở vật chất hữu hình. Giá trị vô hình được thể hiện ở chỗ du khách ngoài ăn ngon ra còn cảm nhận về tâm lý, thẩm mỹ khi thưởng thức các món ăn, làm cho con người thỏa mãn về mặt tinh thần. Chính vì vậy, nhiều tài nguyên du lịch càng khai thác thì giá trị càng tăng bởi sự hiểu biết và nhận thức của con người về tài nguyên đó.

+ Tài nguyên du lịch phong phú đa dạng, các giá trị văn hóa, ngành nghề thủ công, các phong tục tập quán ... Chúng có thể là hữu hình nhưng cũng có thể là vô hình. “Thậm chí có thể nói bất cứ một tồn tại khách quan nào trên thế giới đều có thể cấu thành tài nguyên du lịch, bất cứ không gian nào con người có thể vươn tới đều có thể có tài nguyên du lịch, miễn là chúng có thể đáp ứng điều kiện phù hợp cũng như nhu cầu đa dạng của du khách.”

+ Tài nguyên du lịch là yếu tố cơ bản để hình thành các sản phẩm du lịch;

sản phẩm du lịch được tạo nên bởi nhiều yếu tố, song trước hết là tài nguyên du lịch. Tài nguyên du lịch càng đặc sắc độc đáo thì giá trị của sản phẩm du lịch càng cao, càng hấp dẫn.

+ Tài nguyên du lịch đóng vai trò quan trọng trong tổ chức lãnh thổ du lịch, hệ thống lãnh thổ du lịch thể hiện mối quan hệ về không gian của các yếu tố cấu tạo nên nó, tài nguyên du lịch là yếu tố quyết định sự phân bố không gian, quy mô lãnh thổ của hệ thống du lịch.

+ Tài nguyên du lịch có tính hấp dẫn. Các học giả Trung Quốc coi đây là đặc điểm cơ bản nhất của tài nguyên du lịch, chính đặc điểm này đã phân biệt tài nguyên nói chung với tài nguyên du lịch. Nếu không có tính hấp dẫn thì chúng không thể được coi là tài nguyên du lịch và chúng không còn tồn tại nếu đánh mất tính hấp dẫn. Vì vậy quá trình khai thác cần quan tâm bảo vệ, nâng cấp tài nguyên đảm bảo tài nguyên giữ được tính hấp dẫn của nó.

*** Vai trò của tài nguyên du lịch**

- Tài nguyên du lịch là yếu tố cơ bản để tạo thành các sản phẩm du lịch. Trong các hệ thống lãnh thổ du lịch, tài nguyên du lịch là những phân hệ giữ vai trò quan trọng và quyết định sự phát triển du lịch của hệ thống lãnh thổ du lịch. Đặc biệt tài nguyên du lịch có mối quan hệ qua lại chặt chẽ với các phân hệ khác và với môi trường kinh tế xã hội. Do vậy tài nguyên du lịch là nhân tố quan trọng hàng đầu để tạo nên sản phẩm du lịch.

- Tài nguyên du lịch là mục đích chuyến đi của du khách và tạo những điều kiện thuận lợi để đáp ứng các nhu cầu của họ trong chuyến đi. Hoạt động du lịch có phát triển hay không, hiệu quả kinh doanh cao hay thấp phụ thuộc vào yếu tố cầu du lịch, đặc biệt là khách du lịch. Phần lớn khách du lịch thực hiện chuyến đi du lịch để thưởng thức, tìm hiểu, cảm nhận các giá trị của tài nguyên du lịch, con người và kinh tế xã hội tại các điểm đến.

- Tài nguyên du lịch là cơ sở quan trọng để phát triển các loại hình du lịch. Trong quá trình phát triển du lịch, để không ngừng đáp ứng các yêu cầu và thoả mãn các mục đích của khách du lịch, các loại hình du lịch mới cũng không

ngừng xuất hiện và phát triển. Các loại hình du lịch ra đời đều phải dựa trên tài nguyên du lịch. Chính sự xuất hiện của tài nguyên du lịch đã làm cho một số loại tài nguyên nhân văn và tài nguyên tự nhiên trở thành tài nguyên du lịch.

- Tài nguyên du lịch là một bộ phận cấu thành quan trọng của tổ chức lãnh thổ du lịch vì khi nghiên cứu lãnh thổ du lịch phải nghiên cứu tới việc quan sát khía cạnh không gian cụ thể của nó. Hệ thống lãnh thổ du lịch được tạo thành bởi nhiều yếu tố có quan hệ mật thiết với nhau. Quy mô hoạt động du lịch của một vùng du lịch được xác định trên cơ sở khối lượng tài nguyên du lịch, quyết định tính mùa, tính nhịp điệu của dòng khách du lịch. Sức hấp dẫn của vùng du lịch phụ thuộc nhiều vào tài nguyên du lịch.

1.2.2.3. Phân loại tài nguyên du lịch

a) Tài nguyên du lịch tự nhiên

*** Khái niệm**

Tài nguyên tự nhiên gồm các yếu tố, các thành phần tự nhiên, các hiện tượng tự nhiên, các quá trình biến đổi chung hoặc có thể được khai thác và sử dụng vào đời sống và sản xuất của con người.

Theo khoản 1 (điều 13, chương II) Luật Du lịch Việt Nam năm 2005 quy định: “ Tài nguyên du lịch tự nhiên gồm các yếu tố địa chất, địa hình, địa mạo, khí hậu, thủy văn, hệ sinh thái, cảnh quan tự nhiên đang được khai thác hoặc có thể được sử dụng phục vụ mục đích du lịch.”

Các loại tài nguyên du lịch tự nhiên không tồn tại độc lập mà luôn tồn tại, phát triển trong cùng một không gian lãnh thổ nhất định, có mối quan hệ qua lại tương hỗ chặt chẽ, theo những quy luật của tự nhiên, như quy luật luôn vận động và biến đổi không ngừng, quy luật sinh địa hoá, quy luật địa đới, quy luật tuần hoàn của nước, quy luật tuần hoàn của không khí...

Các tài nguyên tự nhiên luôn gắn liền với các điều kiện tự nhiên cũng như các điều kiện văn hoá, kinh tế - xã hội và cũng thường được phân bố gần các tài nguyên du lịch nhân văn. Sự phân loại tài nguyên du lịch tự nhiên chỉ mang tính tương đối.

*** Đặc điểm của tài nguyên du lịch tự nhiên**

Nếu được quy hoạch, bảo vệ, khai thác hợp lý theo hướng bền vững thì phần lớn các loại tài nguyên du lịch tự nhiên được xếp vào loại tài nguyên vô tận, tài nguyên có khả năng tái tạo hoặc có quá trình suy thoái chậm.

Ví dụ: Tài nguyên nước, theo quy luật tuần hoàn nếu rừng được bảo vệ và khai thác hợp lý, tài nguyên nước không bị ô nhiễm bởi các chất thải từ đời sống cũng như sản xuất, tài nguyên nước được xếp vào tài nguyên vô tận.

Tài nguyên khí hậu cũng được xếp vào loại tài nguyên vô tận. Nhưng do các chất thải từ các hoạt động kinh tế trong đó có du lịch, việc bảo vệ không hợp lý, khai thác rừng bừa bãi, diện tích rừng bị suy giảm có thể làm cho không khí bị ô nhiễm bởi bụi, khí thải độc hại, tiếng ồn, nhiệt độ.

Tài nguyên sinh vật, nhất là trong các khu vực nhiệt đới và xích đạo có khả năng tự phục hồi nhanh. Tuy nhiên chỉ trong điều kiện tài nguyên này được khai thác và bảo vệ hợp lý, không vượt qua giới hạn sinh học, khả năng tái tạo của nó.

Tài nguyên địa hình, địa chất nếu được khai thác bảo tồn hợp lý, không phá vỡ cảnh quan, loại tài nguyên này có thể khai thác được nhiều lần, thời gian làm cho chúng tự thay đổi tính đến từ nghìn năm cho đến hàng triệu năm.

Việc khai thác tài nguyên du lịch tự nhiên chịu ảnh hưởng nhiều vào điều kiện thời tiết, việc tổ chức các tour leo núi, tham quan các vùng núi hay đi nghỉ biển, tham quan sông nước phụ thuộc rất nhiều vào điều kiện thời tiết

Một số điểm phong cảnh và du lịch dựa vào tài nguyên tự nhiên thường nằm xa các khu dân cư. Đặc điểm này một mặt gây tốn kém, khó khăn cho việc tổ chức các hoạt động du lịch, mặt khác nó lại là nhân tố góp phần làm cho tài nguyên du lịch tự nhiên hấp dẫn, được bảo tồn tốt hơn do ít chịu ảnh hưởng tiêu cực bởi các hoạt động kinh tế - xã hội.

*** Các dạng tài nguyên du lịch tự nhiên**

- Địa chất - địa hình - địa mạo

Các quá trình kiến tạo địa chất lâu dài đã tạo nên địa hình trên bề mặt của

trái đất cũng như các hoạt động địa chất, địa mạo.

Đối với hoạt động du lịch, việc nghiên cứu, phát hiện những đặc điểm, giá trị lịch sử phát triển địa chất, các quá trình địa chất của các hệ thống lãnh thổ du lịch, có nhiều ý nghĩa như: phục vụ cho việc bố trí, xây dựng kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch có hiệu quả, tránh được các tác động tiêu cực của các địa chấn, tôn vinh giá trị của điểm đến. Một trong những tiêu chuẩn để một địa điểm được công nhận là di sản thiên nhiên thế giới là: “ Những minh chứng hết sức tiêu biểu cho quá trình địa chất đang diễn biến cho thấy sự tiến hoá sinh học và tác động qua lại giữa con người và môi trường thiên nhiên. Loại mẫu này khác biệt với thời kỳ lịch sử trái đất và liên quan đến quá trình tiến hoá đang diễn ra của thực vật và động vật, các dạng địa hình, các miền biển và miền nước ngọt”.

Các đơn vị hình thái chính của địa hình là đồi núi, cao nguyên, đồng bằng, ven biển và đảo.

+ Địa hình đồng bằng khá đơn điệu về ngoại hình. Tuy nhiên sự kết hợp giữa đồng bằng với tài nguyên nước như sông, kênh rạch, ao hồ, tài nguyên sinh vật đã tạo nên những phong cảnh thuỷ mặc, yên ả, thanh bình . Thêm vào nữa đồng bằng là nơi thuận lợi cho cư trú của dân cư nông nghiệp, là điều kiện quan trọng để hình thành nên các nền văn minh, văn hoá, là nơi bảo tồn, lưu giữ nhiều giá trị văn hoá của loài người cũng như của nhiều quốc gia. Do vậy, địa hình đồng bằng ở nhiều quốc gia trên thế giới đã và đang được phát triển nhiều loại hình du lịch như du lịch sinh thái nhân văn, du lịch văn hoá, du lịch thể thao, nghỉ dưỡng.

+ Địa hình đồi núi, cao nguyên thường tạo ra những không gian kỳ vĩ, sinh động và thơ mộng

Do sự chia cắt của bề mặt địa hình, nên đã tạo nên sự tương phản về cảnh vật giữa các thung lũng sâu, các dãy núi cao nguyên cao, tạo ra sức hấp dẫn du khách. Núi và cao nguyên là dạng địa hình có nhiều điều kiện thuận lợi cho phát triển du lịch, vùng núi là nơi bảo tồn nhiều khu vườn quốc gia, có phong cảnh

đẹp. Đồng thời vùng núi cũng là nơi sinh sống của nhiều dân tộc thiểu số còn giữ được nhiều giá trị văn hoá truyền thống đặc sắc. Những điều kiện thuận lợi cho phát triển các loại hình du lịch du lịch sinh thái, du lịch văn hoá.

Các kiểu địa hình thuận lợi cho phát triển du lịch: có nhiều dạng địa hình đặc biệt có giá trị lớn cho việc triển khai phát triển các hoạt động du lịch, đó là: kiểu địa hình Karst và kiểu địa hình ven bờ - bãi biển và đảo

+ Kiểu địa hình Karst: là kiểu địa hình được tạo thành do quá trình kiến tạo của vỏ trái đất (đứt gãy, tạo sơn, sụt lún) kết hợp với các quá trình ngoại lực chủ yếu là sự lưu thông của nước (cả nước mặt và nước ngầm) trong các loại đá dễ bị hoà tan. Dạng địa hình này được hình thành ở Việt Nam chủ yếu là trong địa hình đá vôi.

Địa hình Karst gồm các kiểu chủ yếu như: hang động Karst, cánh đồng Karst, sông hồ Karst... Trong đó kiểu Karst hấp dẫn du khách nhất là hang động Karst và kiểu Karst ngập nước

+ Kiểu địa hình ven bờ và đảo: kiểu địa hình ven bờ hấp dẫn du khách đó là các bãi cát ven biển, hồ, sông. Trong đó đặc biệt là các bãi cát ven biển, đảo, thường được gọi là các bãi biển.

Các di tích tự nhiên: Các quá trình nội lực và ngoại lực đã tạo thành trên bề mặt địa hình nhiều di tích tự nhiên có giá trị về thẩm mỹ. Nhiều di tích tự nhiên đã tạo thành những điểm tham quan hấp dẫn du khách như hòn Chông (Nha Trang), hòn Trống Mái (Sầm Sơn), hòn Gà Chọi (Vịnh Hạ Long)...

- Khí hậu

Khí hậu là một loại tài nguyên sớm được khai thác để quy hoạch phát triển du lịch. Từ cuối thế kỷ XVIII đến những năm đầu thế kỷ XX đã có nhiều dự án quy hoạch phát triển du lịch trên thế giới cũng như ở Việt Nam, ở những nơi có khí hậu trong lành mát mẻ như: Dovos, Crans- Montana, Lesyin ở Thụy sỹ... Mẫu Sơn, Bà Nà, Tam Đảo ở Việt Nam. Các điều kiện của tài nguyên khí hậu khai thác phục vụ cho mục đích phát triển du lịch khá đa dạng như:

- Tài nguyên khí hậu thích hợp với sức khoẻ con người: Tài nguyên khí

hậu là sự tổng hợp các yếu tố nhiệt độ, độ ẩm, áp suất không khí, tốc độ gió, hướng gió, bức xạ nhiệt.

Các yếu tố của khí hậu thay đổi theo không gian từ xích đạo đến hai cực, theo độ cao, theo thời gian (tính theo mùa), có mối quan hệ chặt chẽ với địa hình, vị trí địa lý, thủy văn và sinh vật, hoạt động sản xuất và đời sống sản xuất và đời sống của con người. Vì vậy, các yếu tố của khí hậu ở nhiều nơi trong từng thời gian nhất định có thể tạo ra những điều kiện sống thoải mái, dễ chịu, tốt cho sức khỏe của con người, hấp dẫn du khách, tạo điều kiện thuận lợi cho triển khai nhiều loại du lịch. Ngược lại, có nhiều địa phương, quốc gia, các yếu tố khí hậu có những ảnh hưởng không tốt cho sức khỏe con người, giảm sức hấp dẫn du khách, gây khó khăn cho việc triển khai các hoạt động du lịch.

- Tài nguyên khí hậu phục vụ cho việc chữa bệnh, an dưỡng: Khí hậu là một trong những loại tài nguyên quan trọng để phát triển loại hình du lịch chữa bệnh, an dưỡng. Một số bệnh như huyết áp, tim mạch, thần kinh, hô hấp rất cần được điều trị, có sự kết hợp giữa các liệu pháp y học với tài nguyên du lịch tự nhiên thuận lợi, đặc biệt là điều kiện khí hậu trong lành, mát mẻ.

- Tài nguyên khí hậu phục vụ cho việc triển khai các hoạt động du lịch: Những điều kiện khí hậu thuận lợi cho việc triển khai các hoạt động du lịch và hấp dẫn du khách được coi là tài nguyên du lịch như: có nhiều ngày thời tiết tốt, số ngày mưa ít, nhiều ánh nắng... Bên cạnh những điều kiện thuận lợi cho phát triển du lịch của khí hậu, ở các địa phương, các quốc gia trong nhiều thời kỳ trong năm còn có những điều kiện khí hậu không thuận lợi cho hoạt động du lịch.

- Tài nguyên nước

Nước được coi là tài nguyên quan trọng, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch nói chung và để phát triển nhiều loại hình du lịch. Các loại tài nguyên nước đã được triển khai là tài nguyên du lịch:

- Nước mặt: sông, hồ, suối, thác nước, các vùng ngập nước ngọt, các vùng nước ven biển đã kết hợp với các tài nguyên khác như núi non, rừng cây tự nhiên, hệ sinh thái nhân văn tạo ra những phong cảnh nên thơ, hữu tình hấp dẫn

du khách.

+ Các vùng nước ven biển có bãi cát đẹp hoặc ven các hồ, có môi trường trong sạch, độ mặn phù hợp 3 – 4%, độ trong suốt cao, thường được khai thác để phát triển loại hình thể thao bơi lội, đua thuyền, tắm biển...

+ Các thác nước cũng tạo nơi có phong cảnh đẹp và hấp dẫn du khách có thể triển khai các hoạt động du lịch tham quan và thể thao mạo hiểm.

- Các điểm nước khoáng, suối nước nóng: là tài nguyên thiên nhiên quý để triển khai các loại hình du lịch, nghỉ dưỡng, tắm khoáng, chữa bệnh.

- Tài nguyên sinh vật

Tài nguyên sinh vật bao gồm toàn bộ các loài thực vật, động vật sống trên lục địa và dưới nước vốn có sẵn trong tự nhiên và do con người thuần dưỡng, chăm sóc, lai tạo.

Tài nguyên sinh vật vừa góp phần cùng với các loại tài nguyên khác tạo nên phong cảnh đẹp, hấp dẫn, vừa có ý nghĩa bảo vệ môi trường như: bảo tồn các nguồn gen, che phủ cho mặt đất, hạn chế hiện tượng sỏi mòn, hạn chế hiện tượng xâm thực...Thảm thực vật còn cung cấp chất mùn cho thổ nhưỡng. Tài nguyên sinh vật là nguồn cung cấp nhiều loại dược liệu cho việc phát triển loại hình du lịch chữa bệnh và an dưỡng, cung cấp nguồn thực phẩm cho du khách. Vì vậy, tài nguyên sinh vật có ý nghĩa cho việc phát triển nhiều loại hình du lịch như: du lịch chữa bệnh, du lịch sinh thái, đi bộ, leo núi, lặn biển, tham quan.

Tài nguyên sinh vật luôn tồn tại và phát triển trong mối quan hệ qua lại tương hỗ giữa các loài và với các thành phần tự nhiên khác trên cùng một không gian địa lý.

b. Tài nguyên du lịch nhân văn

*** Khái niệm**

Tài nguyên du lịch nhân văn là tài nguyên có nguồn gốc nhân tạo do con người sáng tạo ra. Có những tài nguyên nhân văn có sức hấp dẫn với du khách và có thể khai thác phát triển du lịch để tạo ra hiệu quả xã hội, kinh tế. Vì vậy tài nguyên du lịch nhân văn thường là những giá trị văn hoá tiêu biểu, đặc sắc của

mỗi địa phương, mỗi quốc gia.

Tài nguyên du lịch nhân văn mang những đặc điểm chung như có mối quan hệ chặt chẽ với điều kiện tự nhiên, tài nguyên tự nhiên, với các điều kiện kinh tế - xã hội, chịu sự chi phối của các quy luật tự nhiên, quy luật phát triển văn hoá. Vì vậy mỗi địa phương, mỗi quốc gia có tài nguyên du lịch nhân văn mang tính đặc sắc, độc đáo, để hấp dẫn du khách riêng. Du khách đi du lịch là để trải nghiệm, tìm hiểu, hưởng thụ các giá trị văn hoá, giá trị về tự nhiên, nên những tài nguyên du lịch nhân văn đặc sắc, độc đáo ở mỗi địa phương, mỗi quốc gia có tính hấp dẫn lớn đối với du khách. Tuy nhiên tài nguyên nhân văn cũng dễ bị mai một, thay đổi, mất bản sắc văn hoá. Do vậy, trong quá trình bảo tồn, tôn tạo và khai thác tài nguyên du lịch nhân văn vào mục đích phát triển du lịch, việc bảo vệ tính độc đáo, đặc sắc và đa dạng của loại tài nguyên này là bí quyết hấp dẫn du khách và phát triển du lịch bền vững.

*** Đặc điểm của tài nguyên du lịch nhân văn**

Tài nguyên du lịch nhân văn do con người tạo ra nên chịu tác động của thời gian, thiên nhiên và do chính con người. Vì vậy dễ bị suy thoái, huỷ hoại và không có khả năng tự phục hồi ngay cả khi không có sự tác động của con người. Vì vậy di tích lịch sử văn hoá khi bị bỏ hoang cũng bị xuống cấp nhanh chóng, những giá trị văn hoá phi vật thể khi không bảo tồn và phát huy có hiệu quả sẽ bị mai một hoặc bị biến mất. Vì thế khi khai thác tài nguyên du lịch nhân văn cho phát triển du lịch phải đầu tư cho bảo tồn, tôn tạo thường xuyên.

Tài nguyên du lịch nhân văn là do con người sáng tạo ra nên có tính phổ biến. Các địa phương, các quốc gia đều có tài nguyên nhân văn, trong đó có nhiều loại có sức hấp dẫn với du khách, đã hoặc sẽ có thể sử dụng cho phát triển du lịch.

Tài nguyên du lịch nhân văn ở mỗi vùng, mỗi quốc gia thường mang những đặc sắc riêng. Do điều kiện tự nhiên và điều kiện kinh tế - xã hội là những yếu tố nuôi dưỡng tạo thành tài nguyên du lịch nhân văn ở mỗi địa phương, mỗi quốc gia không giống nhau nên tài nguyên du lịch nhân văn ở mỗi

khu vực, mỗi quốc gia có những giá trị đặc sắc riêng, góp phần tạo nên những sản phẩm du lịch độc đáo có sức cạnh tranh và hấp dẫn du khách riêng.

Tài nguyên du lịch nhân văn thường được phân bố gần các khu dân cư, đặc biệt tập trung nhiều ở những khu vực đông dân cư. Bởi nó được sinh ra trong quá trình phát triển xã hội và là sản phẩm do con người sáng tạo ra, việc khai thác các loại tài nguyên du lịch nhân văn thường ít chịu ảnh hưởng của các hiện tượng thời tiết gây nên.

*** Các dạng tài nguyên du lịch nhân văn**

- Di tích lịch sử văn hoá

Di tích lịch sử văn hoá chứa đựng những truyền thống tốt đẹp, những tinh hoa, trí tuệ, tài năng, giá trị văn hoá, kiến trúc, mỹ thuật của mỗi địa phương, mỗi quốc gia. Di tích lịch sử văn hoá là tài nguyên nhân văn quý giá được hình thành, bảo tồn, tôn tạo của nhiều thế hệ ở các địa phương và các quốc gia. Vì vậy, nhiều di tích lịch sử đã trở thành đối tượng tham quan, nghiên cứu, thực hiện các nghi lễ tâm linh của nhiều du khách và là nguồn tài nguyên du lịch quý giá.

Theo pháp lệnh Bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử văn hoá và danh lam thắng cảnh công bố ngày 4/4/1984, di tích lịch sử văn hoá được quan niệm: “ Di tích lịch sử văn hoá là những công trình xây dựng địa điểm, đồ vật, tài liệu và các tác phẩm nghệ thuật, cũng như có giá trị văn hoá khác, hoặc liên quan đến các sự kiện lịch sử, quá trình phát triển văn hoá – xã hội”.

Theo Luật di sản văn hoá Việt Nam năm 2003: “ Di tích lịch sử văn hoá là những công trình xây dựng và các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc công trình, địa điểm có giá trị lịch sử - văn hoá và khoa học”.

- Các di sản văn hoá

Các di sản văn hoá muốn được ghi tên vào danh sách di sản văn hoá thế giới phải đạt 6 tiêu chuẩn:

- + Là tác phẩm độc nhất vô nhị, tác phẩm hàng đầu của tài năng con người.
- + Có ảnh hưởng quan trọng đến sự phát triển của nghệ thuật kiến trúc,

nghệ thuật cấu tạo không gian trong một thời kỳ nhất định, trong một khung cảnh văn hoá nhất định.

+ Chúng có xác thực cho một nền văn minh đã biến mất.

+ Cung cấp một ví dụ hùng hồn cho một thể loại xây dựng hoặc kiến trúc phản ánh một giai đoạn lịch sử có ý nghĩa.

+ Cung cấp một ví dụ hùng hồn về một dạng nhà ở truyền thống, nói lên được một nền văn hoá đang có nguy cơ bị huỷ hoại trước những biến động không cưỡng lại được.

+ Có mối quan hệ trực tiếp với những sự kiện, tín ngưỡng đáp ứng được những tiêu chuẩn xác thực về ý tưởng sáng tạo, về vật liệu, về cách tạo lập cũng như về vị trí.

- Các lễ hội

Lễ hội là một hình thức sinh hoạt văn hoá tập thể của nhân dân sau thời gian lao động vất vả. Lễ hội là dịp để mọi người thể hiện lòng nhớ ơn tổ tiên, những người có công với địa phương và với đất nước, có liên quan đến những nghi lễ tôn giáo, tín ngưỡng, ôn lại những giá trị văn hoá nghệ thuật truyền thống hoặc hướng về một sự kiện lịch sử - văn hoá, kinh tế trọng đại của địa phương, của đất nước hoặc là những hoạt động vui chơi giải trí, là dịp để tăng thêm tinh thần đoàn kết cộng đồng.

Lễ hội là một loại hình sinh hoạt văn hoá truyền thống có sức lôi cuốn đông người tham gia và trở thành nhu cầu trong đời sống tinh thần của nhân dân và là tài nguyên du lịch hấp dẫn du khách.

Mỗi quốc gia trên thế giới đều có những lễ hội độc đáo, đặc biệt là ở nhiều nước đang phát triển, đang trong quá trình đô thị hoá, công nghiệp hoá, mới bước vào quá trình toàn cầu hoá nên còn bảo tồn được nhiều lễ hội truyền thống đặc sắc có giá trị hấp dẫn cao đối với du khách.

Các lễ hội là tài nguyên nhân văn quý giá phục vụ cho mục đích phát triển du lịch bao gồm các: Lễ hội truyền thống, và lễ hội hiện đại có quy mô lớn còn bảo tồn được giá trị văn hoá lịch sử truyền thống phong phú, đa dạng, đặc

sắc. Trong lễ hội gồm có hai phần: Phần nghi lễ và phần hội.

+ Phần nghi lễ gắn với những nghi thức nghiêm túc, trọng thể mở đầu ngày hội theo thời gian và không gian. Phần nghi lễ mở đầu ngày hội bao giờ cũng mang tính tưởng niệm lịch sử, hướng về một sự kiện lịch sử trọng đại, một vị anh hùng lỗi lạc của dân tộc có ảnh hưởng lớn tới sự phát triển của xã hội.

+ Phần hội diễn ra những hoạt động biểu tượng điển hình của tâm lý cộng đồng, văn hoá dân tộc, chứa đựng những quan niệm của dân tộc đó đối với thực tế lịch sử, xã hội và tự nhiên. Trong hội thường có những trò chơi, những đêm thi nghề, thi hát...

+ Thời gian của lễ hội: Lễ hội xuất hiện vào thời điểm linh thiêng của sự chuyển tiếp giữa hai mùa, đánh dấu sự kết thúc của một chu kỳ lao động, chuẩn bị bước sang một chu kỳ mới.

+ Lễ hội thường tập trung chủ yếu vào mùa xuân và mùa thu trong một năm.

- Các đối tượng của du lịch gắn với dân tộc học:

Có ý nghĩa quan trọng đối với du lịch đó là các tập tục lạ về cư trú, về tổ chức xã hội, về thói quen ăn uống sinh hoạt, về kiến trúc cổ, các nét truyền thống trong quy hoạch cư trú và xây dựng, trang phục dân tộc...

- Các đối tượng văn hoá, thể thao và các hoạt động nhận thức khác

Đó là các trung tâm của các viện khoa học, các trường đại học, các thư viện lớn và nổi tiếng, các tác phẩm có triển lãm nghệ thuật, các trung tâm thường xuyên tổ chức liên hoan âm nhạc, các cuộc thi hoa hậu, thi giọng hát hay, các làng nghề thủ công truyền thống...

1.2.3 Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật

1.2.3.1 Cơ sở hạ tầng

Cơ sở hạ tầng nói chung có vai trò đặc biệt đối với việc đẩy mạnh du lịch. Về phương diện này, mạng lưới và phương tiện giao thông là những nhân tố quan trọng hàng đầu.

Du lịch gắn với sự di chuyển của con người trên một khoảng cách nhất

định. Nó phụ thuộc vào giao thông, mạng lưới đường xá và phương tiện giao thông. Một đối tượng có thể có sức hấp dẫn đối với khách du lịch nhưng vẫn không thể khai thác được khi thiếu nhân tố giao thông. Chỉ có thông qua mạng lưới giao thông thuận lợi, nhanh chóng thì du lịch mới trở thành hiện tượng phổ biến trong xã hội.

Giao thông là bộ phận của cơ sở hạ tầng kinh tế nhưng cũng có các phương tiện giao thông du lịch được sản xuất và sử dụng chủ yếu phục vụ các nhu cầu du lịch (ôtô, tàu thủy, máy bay đặc biệt...) chúng được tách ra như một bộ phận của cơ sở hạ tầng du lịch.

Thông tin liên lạc là một phần quan trọng trong cơ sở hạ tầng của hoạt động du lịch. Nó là điều kiện cần thiết đảm bảo giao lưu cho khách du lịch trong nước và quốc tế. Nhu cầu thông tin liên lạc là các nhu cầu trao đổi, các dòng tin tức khác nhau của xã hội, được thoả mãn bằng nhiều loại hình thông tin khác nhau. Trong đời sống kinh tế xã hội hiện đại nói chung cũng như trong ngành du lịch không thể thiếu được các phương tiện thông tin liên lạc.

Trong cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch còn phải đề cập đến hệ thống các công trình cấp điện nước. Các sản phẩm của nước phục vụ trực tiếp cho việc nghỉ ngơi giải trí của khách. Như vậy, cơ sở hạ tầng là tiền đề, là đòn bẩy của hoạt động kinh tế trong đó có hoạt động du lịch.

1.2.3.2 Cơ sở vật chất kỹ thuật

Cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch đóng vai trò hết sức quan trọng trong quá trình tạo ra và thực hiện sản phẩm du lịch cũng như mức độ khai thác các tiềm năng du lịch nhằm thoả mãn các nhu cầu của khách du lịch. Chính vì nó có vai trò quan trọng như vậy nên sự phát triển ngành du lịch bao giờ cũng gắn liền với việc xây dựng và hoàn thiện cơ sở vật chất kỹ thuật.

Cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch bao gồm cơ sở vật chất kỹ thuật của ngành du lịch và cơ sở vật chất kỹ thuật của một số ngành kinh tế quốc dân. Thời gian phục vụ du lịch như thương nghiệp, dịch vụ... Cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch bao gồm nhiều thành phần, chúng mang những chức năng khác nhau có ý nghĩa

nhất định đối với việc tạo ra, thực hiện sản phẩm du lịch. Việc đánh giá cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch được căn cứ vào 3 loại tiêu chuẩn chủ yếu:

- Đảm bảo những điều kiện tốt nhất cho nghỉ ngơi du lịch
- Đạt hiệu quả kinh tế tối ưu trong quá trình xây dựng và khai thác cơ sở vật chất kỹ thuật.
- Thuận tiện cho việc đi lại của khách từ các nơi đến... Các thành phần của cơ sở vật chất kỹ thuật.

Tiểu kết chương 1

Ngày nay du lịch đang trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn của mỗi vùng miền, mỗi quốc gia. Du lịch có một vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh - tế xã hội của mỗi quốc gia mà nó còn là sợi dây gắn kết các nền văn hoá của các nước thúc đẩy sự giao lưu hợp tác, hoà hảo giữa các nước thúc đẩy nhanh sự phát triển kinh tế - xã hội.

Thấy được ý nghĩa của sự phát triển hoạt động du lịch chương 1 của khoá luận đã phân tích các nhân tố ảnh hưởng tới sự hình thành và phát triển du lịch để từ đó đưa ra những định hướng cho việc phân tích tiềm năng và đề xuất các giải pháp phát triển du lịch trên địa bàn huyện ở chương 2 và chương 3.

CHƯƠNG 2

CÁC ĐIỀU KIỆN CUNG ỨNG DU LỊCH CỦA HUYỆN KHOÁI CHÂU

2.1 Giới thiệu khái quát về huyện Khoái Châu

Khoái Châu là vùng đất cổ, thuộc quốc gia Văn Lang, nhà nước sơ khai từ buổi bình minh của lịch sử dân tộc. Cùng với diễn trình phát triển của lịch sử, Khoái Châu đã trải qua nhiều lần thay đổi về địa danh và địa giới hành chính. Huyện Khoái Châu chính thức được tái lập từ ngày 1/9/1999 với 25 đơn vị hành chính trực thuộc (24 xã, 1 thị trấn).

Khoái Châu ngày nay là một trong mười huyện thị của tỉnh Hưng Yên.

Khoái Châu có truyền thống lịch sử - văn hoá lâu đời, được gắn liền với quá trình hình thành và phát triển của Hưng Yên nói riêng, của đất nước nói chung. Xuất phát từ những yếu tố tự nhiên như: Vị trí địa lý, khí hậu, hoàn cảnh sống mà đã hình thành nên truyền thống, phong tục, tập quán, tín ngưỡng của người dân Khoái Châu.

Từ thời các vua Hùng dựng nước, phù sa sông Hồng đã bồi tụ nên vùng đất này. Và cư dân Việt cổ đã sớm đến cư trú, khai mở và sinh sống. Do sông Hồng bao bọc ở phía tây từ đó đã tạo nên văn hoá Khoái Châu (sông nước và văn hoá lúa nước). Cũng từ đặc điểm này đã tạo ảnh hưởng lớn đến đời sống vật chất và tinh thần của cư dân trong suốt diễn trình của lịch sử.

Với địa thế cạnh sông, người dân nơi đây đã biết tận dụng những điều kiện tự nhiên, sinh sống bằng nghề chài lưới, nghề trồng lúa nước cũng có tiềm năng do chất đất phù sa màu mỡ, nguồn nước dồi dào của sông Hồng. Đến nay, nghề trồng lúa nước và nuôi trồng thủy sản vẫn có vị trí quan trọng trong lĩnh vực kinh tế của huyện Khoái Châu.

Bên cạnh đó những điều kiện khắc nghiệt của thiên nhiên như lũ lụt, hạn hán cũng đã ảnh hưởng không nhỏ tới đời sống nhân dân. Nhưng dù hoàn cảnh

nào, người dân Khoái Châu vẫn luôn phát huy được bản chất cần cù, sáng tạo, chung sức chung lòng chế ngự thiên nhiên, bám đất giữ làng, xây dựng quê hương. Và không ngừng sáng tạo, giữ gìn bảo lưu các giá trị văn hoá truyền thống quê hương. Đóng góp tích cực vào kho tàng Văn hoá truyền thống của Hưng Yên nói riêng và dân tộc nói chung.

Trên địa bàn của huyện Khoái Châu còn có sự hiện diện của rất nhiều di tích lịch sử - văn hoá và di vật quý mang dấu ấn của văn hoá tín ngưỡng bản địa. Toàn huyện có 139 di tích, trong đó có 74 di tích lịch sử - văn hoá, 33 di tích đã được xếp hạng. Với 92 lễ hội lớn nhỏ. Đặc biệt có lễ hội Chử Đồng Tử - Tiên Dung ở đền Đa Hoà xã Bình Minh, đền hoá Dạ Trạch. Đây là cụm di tích lịch sử văn hoá mang đậm tín ngưỡng dân gian, có sự gắn kết chặt chẽ giữa tín ngưỡng dân gian và văn hoá nông nghiệp, văn hoá lúa nước. Đền hoá Dạ Trạch còn là địa danh lịch sử được gắn với tên tuổi của Triệu Việt Vương (Triệu Quang Phục) chống giặc Lương vào khoảng thế kỉ VI. Đền Đa Hoà xã Bình Minh còn được gắn với tên tuổi của tiến sĩ Chu Mạnh Trinh.

Khoái Châu còn là quê gốc của bà Hoàng Thị Loan, thân mẫu của Chủ tịch Hồ Chí Minh (nay là làng Vân Nội, xã Hồng Tiến).

Khoái Châu xưa cũng là đất học. Toàn huyện có 21 nhà khoa bảng. Ngày nay truyền thống hiếu học của cha ông xưa vẫn được lớp lớp con cháu hôm nay giữ gìn và phát huy.

Các giá trị văn hoá vật thể, phi vật thể của huyện rất phong phú, đa dạng. Tại nhiều di tích, lễ hội truyền thống vẫn được tổ chức hàng năm, góp phần làm phong phú đời sống tinh thần của người dân địa phương. Nơi đây vẫn tồn tại một số làng nghề thủ công cổ truyền như nghề mây tre đan, đóng thuyền, đan giỏ tằm, nghề mộc, nghề rèn, đúc đồng... Các nghề thủ công thể hiện sự tài khéo của người dân, đồng thời qua một số nghề tiêu biểu, chúng ta còn nhận thấy nét văn hoá sông nước đặc trưng của vùng.

Về văn hoá ẩm thực có thể kể đến bánh khúc, bánh tẻ, bánh trứng cốm, đậu phụ, kẹo rìu, chả gà tiểu quan...

Các phong tục, tập quán, nghệ thuật cổ truyền (hát chèo, hát trống quân) được nhân dân giữ gìn, bảo lưu theo hướng có chọn lọc, phù hợp với xu thế phát triển của xã hội.

Ngày nay, Khoái Châu đang có bước tiến mới về kinh tế, văn hoá, xã hội. Toàn huyện đang ra sức thi đua xây dựng nếp sống văn minh, văn hoá nhằm phát huy hiệu quả nhân tố con người. Cùng với quá trình phát triển kinh tế, xây dựng cơ sở hạ tầng, huyện Khoái Châu còn tiến hành các hoạt động bảo vệ các di sản văn hoá của địa phương, phục dựng nguyên gốc các lễ hội dân gian truyền thống, gắn với việc phát triển du lịch trên địa bàn của huyện.

2.2 Các điều kiện tự nhiên và tài nguyên du lịch tự nhiên

2.2.1 Vị trí địa lý

Khoái Châu là vùng đất cổ, thuộc quốc gia Văn Lang, nhà nước sơ khai từ buổi bình minh của lịch sử dân tộc. Cùng với diễn trình phát triển của lịch sử, Khoái Châu đã trải qua nhiều lần thay đổi về địa danh và địa giới hành chính. Khoái Châu ngày nay là một trong mười huyện thị của tỉnh Hưng Yên.

Khoái Châu là huyện đồng bằng bắc bộ, nằm trên bờ của tả ngạn sông Hồng. Khoái Châu nằm ở phía tây của tỉnh Hưng Yên, phía bắc giáp huyện Văn Giang và Yên Mỹ, phía đông giáp huyện Ân Thi, phía nam giáp huyện Kim Động, phía tây giáp các xã nằm trong các huyện của Hà Nội.

Trên địa bàn huyện còn có sông Bàn chảy xuôi từ Bàn Yên Nhân, qua Yên Mỹ, Khoái Châu, sang Kim Động. Đầm Dạ Trạch, nằm tại các xã Bình Minh, Dạ Trạch, Hàm Tử, Tứ Dân, Đông Kết, đây vốn là một khúc của sông Hồng trước kia, nay do đổi dòng sang hướng tây mà tạo thành.

2.2.2 Địa hình

Là huyện có địa hình đặc trưng của khu vực đồng bằng, được bồi tích phù sa.

Khoái Châu có địa hình khá phức tạp, cao thấp xen kẽ nhau. Vùng ngoài bãi có địa hình bán lòng chảo dốc dần từ dải cao ven bờ xuống vùng trũng ven đê. Vùng nội đồng nhìn chung có hướng dốc từ bắc xuống nam và từ tây sang

đông.

Nhìn chung địa hình của Khoái Châu đơn giản, thoáng đãng trong lành của cảnh quan đồng quê và cảnh quan tự nhiên, đặc biệt là cảnh quan bãi bồi sông Hồng mênh mông, phong cảnh độc đáo, trên đó có thể diễn ra các hoạt động du lịch. Địa hình bằng phẳng là điều kiện thuận lợi trong việc đi lại, thăm quan của du khách.

2.2.3 Khí Hậu

Khí hậu là một trong những yếu tố quan trọng tạo ra môi trường du lịch, các điều kiện nhiệt độ, độ ẩm có ảnh hưởng đến sức khỏe du khách, ảnh hưởng đến các hoạt động du lịch, tạo yếu tố mùa trong hoạt động du lịch .

Là vùng thuộc đồng bằng sông Hồng, Khoái Châu chịu ảnh hưởng của khí hậu nhiệt đới gió mùa, với hai mùa rõ rệt. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, đặc trưng là nóng ẩm mưa nhiều. Mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau thường lạnh, đầu mùa khí hậu tương đối khô, nửa cuối ẩm ướt và có mưa phùn, nhiệt độ trung bình năm của Khoái Châu khoảng 23 độ C, cao nhất 38 – 39 độ C, thấp nhất không dưới 5 độ C. Khoái Châu quanh năm có mặt trời, thời gian chiếu sáng dài, độ ẩm trung bình năm là 86%.

Khí hậu của Khoái Châu so với đặc điểm của nhiều vùng trong cả nước, khí hậu tương đối thuận lợi cho mọi hoạt động sản xuất cũng như hoạt động du lịch, tham quan nghỉ dưỡng.

2.2.4 Nguồn nước

Khoái Châu nằm trong hệ thống sông Hồng là hệ thống sông lớn nhất ở miền Bắc, do có nguồn nước phù sa bồi đắp đáp ứng nhu cầu về phát triển kinh tế và dân sinh của huyện. Từ độ sâu 50 – 110m, huyện có nguồn nước ngầm khá tốt. Đây là điều kiện thuận lợi cho việc đảm bảo nhu cầu phát triển các ngành nghề kinh tế của huyện.

2.2.5 Tài nguyên sinh vật

Vốn là huyện đồng bằng không có núi, không có biển. Sự đa dạng sinh học của huyện Khoái Châu còn nghèo nàn. Thực vật bắt đầu thống kê được 500

loài trong đó có 254 loài có giá trị kinh tế. Tuy đa dạng loài nghèo nhưng những loài có giá trị kinh tế cao lại được nuôi, trồng với số lượng lớn để đáp ứng nhu cầu trong tỉnh và các địa phương khác. Trong huyện đã trồng được nhiều loại cây có giá trị kinh tế cao như cây chuối Tiêu Hồng, các vùng còn trồng nhiều cây cảnh, cây làm thuốc...

Về động vật, huyện không có các động vật đa dạng như trong rừng. Tuy nhiên có nuôi được các loại thú như trâu, bò, dê. Các loài chim thường gặp chủ yếu là: chim sẻ, cò, chim sâu được con người nuôi cùng các loại gia cầm. Cá, những loại cá tự nhiên và cá được nuôi có giá trị kinh tế cao.

2.2.6 Tài nguyên khoáng sản

Khoáng sản chính của huyện Khoái Châu chỉ có nguồn cát ven sông Hồng và một số đất sét sản xuất gạch ngói có thể phát triển khai thác phục vụ nhu cầu xây dựng. Theo các tài liệu thăm dò địa chất, tại vùng đồng bằng sông Hồng trong đó có Khoái Châu tồn tại trong lòng đất một mỏ than nâu rất lớn nằm trong lớp trầm tích Nioxen với trữ lượng dự báo hàng trăm tỷ tấn, nhưng ở độ sâu 300 – 1.700. Hiện nay các nhà địa chất đã bắt tay vào khai thác.

2.3 Điều kiện kinh tế xã hội và tài nguyên du lịch nhân văn

2.3.1 Điều kiện kinh tế xã hội

2.3.1.1 Dân cư

Tính đến cuối năm 2009 dân số trung bình của Khoái Châu có 190.000 người, mật độ dân số 1468 người / km². Trong đó dân số nông nghiệp là 160.580 chiếm 90,05%. Số người trong độ tuổi lao động của huyện có 92.520 người, chiếm 51,26% dân số toàn huyện. Lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế quốc dân là 90.568 người, chiếm 96,85% lao động trong độ tuổi. Lao động nông nghiệp chiếm tỷ lệ chủ yếu (trên 80%), tuy nhiên trong những năm gần đây tỷ lệ này đang có phần thuyên giảm, còn lại là lao động trong các ngành công nghiệp – xây dựng và thương mại – dịch vụ.

2.3.1.2 Kinh tế và xã hội

Trong những năm qua, kinh tế huyện Khoái Châu có mức tăng trưởng khá.

Giai đoạn 2001 -2005 tốc độ tăng trưởng trung bình của huyện từ 11.8 - 11,20% so với 11% của năm 2000 trở về trước. Tạo sự chuyển đổi rõ rệt về cơ cấu kinh tế theo hướng Nông nghiệp 41,00% - công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, xây dựng 21,60% - Thương mại dịch vụ 36,40% vào năm 2004.

Tỷ lệ phát triển dân số giữ ổn định 1%, đảm bảo việc làm ổn định cho 95% lao động, trong đó số lao động được đào tạo chiếm 30 – 35%. 100% số xã, thị trấn được phổ cập THCS, 90 % phòng học kiên cố cao tầng. Có trên 60 làng văn hoá, 85% số trạm y tế xã, thị trấn có bác sỹ đạt tiêu chuẩn và cấp nước sạch cho 100% dân cư trong toàn huyện. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, trong đó giảm tỷ trọng của các ngành nông nghiệp, tăng tỷ trọng của công nghiệp và dịch vụ

Cơ cấu kinh tế của huyện năm 2006 là:

- Nông nghiệp là: 37,67%
- Thương mại - dịch vụ là: 36,81%
- Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng: 25,52%

Công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp và xây dựng

Phấn đấu phát triển vững chắc công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp làm động lực cho phát triển nông nghiệp, dịch vụ và các lĩnh vực khác, đồng thời thúc đẩy quá trình tăng trưởng nhanh và chuyển đổi cơ cấu kinh tế của huyện theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng GDP ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và xây dựng năm 2005 đạt 218 tỷ đồng và năm 2010 đạt gần 700 tỷ đồng, nâng tỷ trọng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và xây dựng trong tổng GDP trên địa bàn lên 20,8% năm 2005 và 33,93% năm 2010.

Về nông nghiệp

Tốc độ tăng trưởng nông nghiệp cả thời kỳ 2001 -2010 đạt bình quân khoảng 7%. Chuyển đổi mạnh mẽ cơ cấu sản xuất nông nghiệp, tạo bước chuyển biến căn bản nền nông nghiệp của huyện theo hướng hiện đại, đa dạng hoá sản phẩm và đa dạng hoá cơ cấu kinh tế nông thôn. Đến năm 2010, cơ cấu cây trồng

được chuyển đổi tích cực, tỷ trọng các cây có giá trị ngày càng tăng.

Thương mại và dịch vụ

Phát triển kinh tế dịch vụ theo hướng mở rộng ngành nghề phục vụ sản xuất và đời sống, đồng thời giải quyết lao động tại chỗ. Tốc độ tăng trưởng dịch vụ bình quân cả kỳ 2001 -2010 đạt khoảng 30%. Nâng tỷ trọng của ngành lên đáng kể.

2.3.2 Tài nguyên du lịch nhân văn

2.3.2.1 Các di tích lịch sử - văn hoá tiêu biểu

Khoái Châu là huyện có nhiều di tích lịch sử - văn hoá của tỉnh Hưng Yên. Toàn huyện có 33 di tích lịch sử được xếp hạng, trong đó có 24 di tích cấp quốc gia, 9 di tích cấp tỉnh.

Bảng 1. Các di tích lịch sử - văn hoá được xếp hạng Quốc gia - Tỉnh của huyện Khoái Châu

Tên	Số lượng	Đã được xếp hạng Quốc gia - Tỉnh
Đền, Miếu	17	Có 13 di tích được xếp hạng quốc gia, 4 di tích được xếp hạng cấp tỉnh.
Chùa	4	Có 3 di tích xếp hạng quốc gia, 1 di tích xếp hạng cấp tỉnh
Đình	10	Có 7 di tích xếp hạng quốc gia, 3 di tích xếp hạng cấp tỉnh.
Văn chỉ bình dân	1	Được xếp hạng cấp quốc gia
Làng	1	Được xếp hạng cấp tỉnh
Tổng số	33	Có 24 di tích xếp hạng quốc gia, 9 di tích xếp hạng cấp tỉnh

(Nguồn: Phòng văn hoá thông tin huyện Khoái Châu)

*** Cụm di tích đền Đa Hoà và đền hoá Dạ Trạch**

Đôi nét về truyền thuyết Chử Đồng Tử - Tiên Dung

Đền Chử Đồng Tử hay còn gọi là đền Đa Hoà nằm trên bờ sông Hồng, đối diện với bãi Tự Nhiên – nơi tác thành mối tình Chử Đồng Tử - Tiên Dung công chúa. Ngược dòng thời gian trở về thời vua Hùng Vương thứ 18. Tại làng Chử Xá, xã Văn Đức trước kia thuộc huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên, nay thuộc huyện Gia Lâm, ngoại thành Hà Nội, có một gia đình ngư dân nghèo, vợ chồng thành gia thất từ lâu nhưng chưa có con, đó là gia đình ông Chử Vi Vân và bà Bùi Thị Gia.

Một đêm bà Bùi Thị Gia nằm mộng thấy tiên ông từ thiên đình giáng thế cho bà một tiên đồng, bà giơ tay đón nhận rồi giặt mình tỉnh dậy. Từ đó bà thụ thai, đến ngày mãn nguyệt khai hoa, bà sinh hạ được người con trai diện mạo khôi ngô tuấn tú khác thường, ông bà đặt tên là Chử Đồng Tử.

Từ thừa hàn vi Chử Đồng Tử đã gặp nhiều nỗi gian truân. Năm Đồng Tử 13 tuổi thân mẫu lâm bệnh rồi qua đời, ít lâu sau nhà cửa bị hoả hoạn, gia đình khánh kiệt đến nỗi chỉ có một cái khố, hai bố con thay nhau mặc mỗi khi ra khỏi nhà. Được một thời gian phụ thân lại qua đời. Chàng thương cha, lại sẵn lòng hiếu thảo không lỡ chôn trần cho cha, chàng đã cởi khố mặc cho cha. Chôn bố xong Đồng Tử đi tha hương cầu thực, ngày ngâm nửa người dưới nước để kiếm cá và xin ăn các thuyền qua lại, dần dà xuống đến huyện Chu Diên (tức Khoái Châu bây giờ).

Thời đó vua Duệ Vương – Hùng Vương thứ 18 không có con trai, chỉ có một nàng công chúa Tiên Dung xinh đẹp. Vào một buổi sáng mùa xuân những đoàn thuyền rộng lớn lấy cùng cờ quạt đi du ngoạn trên sông Nhị Hà, trên thuyền rồng là nàng công chúa Tiên Dung.

Chử Đồng Tử sợ quá, vội chạy lên bãi cát Tự Nhiên thuộc Màn Châu ẩn mình nào ngờ nơi Chử Đồng Tử ẩn mình là nơi Tiên Dung chọn làm nơi tắm gội. Có ai ngờ đó là cuộc gặp gỡ định mệnh. Chử Đồng Tử định bỏ chạy nhưng Tiên Dung đã nắm lấy tay nói: “ Ta vốn không muốn lấy chồng, nay gặp chàng, thân

thể đều không có gì che đậy, thực là duyên trời đã định như vậy, chàng hãy cùng ta tắm gội, ban cho quần áo rồi xuống thuyền mở tiệc, kết duyên vợ chồng. Vua cha nghe tin rất giận cho rằng, thiếu chi những người dòng dõi cao sang, hào hoa phong nhã mà lại lấy một kẻ ăn mày, bèn không cho công chúa về cung nữa. Đồng Tử và Tiên Dung cũng sợ không dám ở đất Đa Hoà nữa mà đi chu du khắp nơi. Chử Đồng Tử gặp được Tiên ông, Tiên ông đã dạy cho chàng rất nhiều phép thuật, sau một thời gian tu luyện Chử Đồng Tử đã trở thành tiên. Chử Đồng Tử lấy phép tiên truyền cho Tiên Dung. Hai người đi chu du giúp đỡ dân nghèo.

Một hôm đến địa đầu Ông Đình thuộc địa phận Đông An bỗng gặp một người con gái khoảng 18, 19 tuổi, có sắc đẹp tuyệt trần. Tiên Dung bảo Chử Đồng Tử: có phải người con gái đó chàng muốn lấy làm vợ bé chăng? Đồng Tử mỉm cười, Tiên Dung hiểu ý đến nói chuyện với người con gái đó chính là tiên nữ Tây Cung, thấy tâm đầu ý hợp đã kết duyên vợ chồng với Chử Đồng Tử. Ba người cùng đi chu du thiên hạ chữa bệnh, cứu khổ cho dân nghèo sau đó ba người cùng bay về trời.

Duệ Vương sau khi nghe thần dân tâu lại đã xuống chiếu cho lập đền thờ ở hai nơi là Đa Hoà và đền hoá Dạ Trạch.

Hàng năm cứ đến ngày mùng 10 tháng 2 âm lịch, nhân dân địa phương lại tổ chức lễ hội tưởng nhớ công lao của ba vị.

Năm 1962, Bộ văn hoá thể thao và du lịch ra quyết định xếp hạng khu di tích đền Đa Hoà và đền hoá Dạ Trạch là di tích lịch sử văn hoá quốc gia.

***Di tích đền Đa Hoà**

Đa Hoà là tên làng, xưa thuộc tổng Mỹ, huyện Đông Yên, phủ Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, nay thuộc xã Bình Minh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

Từ Hà Nội, có thể đi xuôi dòng sông Hồng chừng 20 km, tới bãi Tự Nhiên, bến Bình Minh hoặc có thể đi đường bộ, qua cầu Chương Dương rẽ phải, theo đường đê chừng 25km là tới nơi.

Đền Đa Hoà đã được Nhà nước xếp hạng di tích lịch sử văn hoá quốc gia. Đây không chỉ là một di tích lưu truyền và lan toả về một thiên tình sử hàng ngàn nay mang ý nghĩa nhân văn cao đẹp, mà còn có giá trị đặc biệt về nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc thời Nguyễn. Đền do tiến sĩ Chu Mạnh Trinh (tự là Cán Thần, hiệu là Trúc Vân, người làng Phú Thị, tổng Mễ Sở, huyện Đông Yên, phủ Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên) đứng ra vận động nhân tài vật lực của nhân dân 8 thôn tổng Mễ cùng thập phương công đức để xây dựng, tôn tạo năm 1890, trên nền một ngôi đền cổ.

Quang cảnh đền hiện nay là một kiến trúc quy mô lớn, mặt quay hướng chính Tây. Ngôi đền tọa lạc trên một mặt bằng có diện tích đất đai rộng 18.720m vuông, với tổng thể kiến trúc xây dựng thành ba khu vực chính nối liền một cách liên hoàn và khép kín. Đó là khu ngoài, khu giữa và khu trong

+ Khu ngoài (ngoại khu): có diện tích rộng 7200m vuông, xây tường bao quanh chắc chắn. Phía ngoài cùng, sát bờ kè đá với sông Hồng là nhà Bia. Đó là một ngôi nhà lầu tứ giác, có bốn cửa lớn thông ra bốn hướng, lầu cao hai tầng có 8 mái (tương ứng với tám quẻ trong bát quái: Càn, khôn, ly, khảm, chấn, cần, đoài, tốn...). Ở cửa phía tây có đề ba chữ đại tự là “ Trấn giang lâu” do chính tay tiến sĩ Chu Mạnh Trinh viết. Trong nhà lầu có đặt tấm bia đá lớn: “ Trùng tu Đa Hoà chính từ bi ký”, ghi lại tóm tắt sự tích về Chử Đồng Tử và Tiên Dung.

+ Khu giữa (trung khu): có diện tích rộng 4.300m vuông, có cổng đền lớn.

Từ nhà bia, giữa hai hàng cây gạo là con đường lát gạch rộng 6m dẫn tới cổng chính vào khuôn viên đền. Tại đây, có hai cây cột trụ vút cao trên đỉnh là hai con lân quay mặt vào lối đi. Trên cột trụ có hai câu đối:

Phượng giá hồng sơn kim đỉnh đan thành phong vũ dạ

Hạc quy hoa liễu ngọc tuyết linh bí thủy vân gia

Con đường lát gạch rộng 8m, ở hai bên có cây đa cổ thụ và trồng nhiều nhãn xum xuê um tùm. Phía bên phải là lầu chuông, có treo quả chuông đồng lớn cao 1,5m; còn ở phía bên trái là gác khánh có treo khánh đá cao 1,2m. Cả lầu chuông và gác khánh đều được tiến sĩ Chu Mạnh Trinh thiết kế xây dựng

theo kiểu dáng nhà bia, cũng hình tứ giác, cao hai tầng tám mái và bốn cửa mở ra bốn phía.

+Khu trong (nội khu): có nhà Ngọ môn cao to, rộng ba gian với ba cửa chính. Cửa chỉ mở trong những ngày lễ hội chính. Ở trên cao giữa cổng Ngọ môn treo bức đại tự sơn son thếp vàng “ Bồng lai cung khuyết”. Phía bên trong là cung điện thờ đức thánh Chủ Đổng Tử và nhị vị phu nhân. Toàn bộ cung điện gồm 18 nóc nhà liên hoàn tượng trưng cho 18 đời vua Hùng Vương.

Khoảng sân gạch giữa Ngọ môn và cung điện khá rộng rãi để chiếc vạc đồng cỡ lớn có chạm khắc rồng cuốn hai bên làm nơi hoá vàng mã. Nếu đi từ ngoài vào, sau khi qua Ngọ môn đến nhà đại tế, sân châu, toà thiêu hương, phía trong là cung đệ nhị và cung đệ tam.

Theo cấu trúc liên hoàn, nối liền các nóc đền là thảo bặt, thảo xá, nhà ngựa, nhà pháo...Cung điện thờ thánh tại đền Đa Hoà được thiết kế theo đúng kiểu cung đình nhà Nguyễn ở thế kỷ XIX. Như vậy, theo kiểu cách xây dựng và cấu trúc bên ngoài và bên trong của các di tích ở đền Đa Hoà đã phản ánh khá rõ nét sự dung hoà, tương hợp giữa tín ngưỡng dân gian bản địa với các tôn giáo chính thống như Phật giáo, Nho giáo và Đạo giáo. Đó là sự kết hợp hài hoà khá nhuần nhuyễn giữa các yếu tố văn hoá nội sinh với ngoại sinh của nền văn hoá dân tộc độc đáo của người Việt.

Toà Thiêu Hương là một toà nhà lầu cao hai tầng với tám mái cong, có bốn cột trụ gỗ vuông đỡ bốn góc. Trên cao nơi chính điện của toà nhà có treo bức đại tự chữ Hán sơn son thếp vàng “ Giao quang các” (có nghĩa đây là nơi có ánh sáng giao thoa, hội tụ về). Phía dưới có treo đôi câu đối ghi lại sự tích Chủ Đổng Tử - Tiên Dung.

Tại các cung Đệ Nhị và Đệ Tam có treo nhiều bức hoành phi câu đối ca ngợi đức thánh Chủ Đổng Tử. Trong hậu cung có thờ thân phụ và thân mẫu của Thánh.

Trong đền chính Đa Hoà còn lưu giữ nhiều hiện vật cổ quý hiếm như: hai chiếc lọ gốm thời Lý (thế kỷ XI), vân hoa nổi có 100 chữ “ thọ”; hai câu đối của

Trần Ngô Lương và Trần Dư sống ở thế kỷ XIII đời nhà Trần cung tiến. Ngoài ra các ngai đèn thờ đều được chạm trổ điêu khắc rất công phu mang phong cách nghệ thuật của thế kỷ XVII – XVIII.

Trong đèn còn có phối thờ, ngai vàng và ảnh của tiến sĩ Chu Mạnh Trinh, bên cạnh có cây đàn thập lục, biểu trưng về một con người hào hoa, tài tử, phong lưu, gồm cả cầm, kỳ, thi, họa.

Trong đèn còn lưu giữ đôi lọ Bách thọ, không có chữ nào giống chữ nào, là một cổ vật vô giá về nghệ thuật gốm cổ của Việt Nam và còn có nhiều đồ thờ bằng đồng như: Một đôi chim hạc bằng đồng, đỉnh đồng, chiếc vạc đồng lớn trước toà Thiêu Hương để hoá vàng mã trong các dịp tế lễ. Lễ hội đèn Đa Hoà diễn ra từ ngày 10- 12 tháng giêng âm lịch. Đây là một lễ hội lớn mang tính chất liên làng ở một vùng đất rộng lớn thuộc châu thổ sông Hồng. Là lễ hội dân gian truyền thống nổi tiếng được nhiều du khách trong và ngoài nước biết đến, với sự tham gia của tám làng thuộc tổng Mễ Sở xưa.

*** Di tích đèn hoá Dạ Trạch**

Nằm ven sông Hồng, cách Hà Nội 20km, thuộc thôn Yên Vĩnh, xã Dạ Trạch, huyện Khoái Châu. Như truyền thuyết đã kể: Khi Chử Đồng Tử - Tiên Dung cùng lâu đài thành quách trong đêm giông tố bay về trời, để lại vùng đầm nước mênh mông, gọi là đầm Nhất Dạ hay đầm Dạ Trạch. Vua Hùng thương tiếc hai con, cho lập đền thờ. Sự linh thiêng của đức thánh đèn hoá Dạ Trạch lan truyền khắp nơi từ đời này qua đời khác.

Tương truyền rằng: Tướng quân Triệu Quang Phục của Lý Nam Đế khi đánh giặc Lương xâm lược đã dựa vào thế hiểm yếu của đầm Dạ Trạch kháng cự với giặc. Khi bị vây hãm nguy cấp, tướng quân lập đàn làm lễ, đã được Đức Thánh Chử hiển linh, trao cho cái vuốt rồng, gài lên mũ. Nhờ vậy nghĩa quân của ông đánh đâu thắng đó khiến quân Lương khiếp sợ phải rút lui. Sau đó lên làm vua, xưng hiệu là Triệu Việt Vương. Thế kỷ 15, khi giặc Minh sang xâm lược nước ta chúng thực hiện chính sách đồng hoá vô cùng tàn bạo. Nguyễn Trãi cùng Trần Nguyên Hãn đã về đây cầu mộng (hiện còn bài văn cầu mộng

của Nguyễn Trãi), được Chủ Đồng Tử cho biết mình chủ ở Lam Sơn. Vì vậy đền được ca ngợi là anh linh.

Đền hoá Dạ Trạch toạ lạc trên một dải đất cao, là một công trình có quy mô bề thế, uy nghi. Đền nhìn thẳng hướng chính đông, phía trước là cánh đồng rộng rãi. Từ ngoài xa nhìn vào, ta bắt gặp lầu chuông cao ngất, mới được tôn tạo. Trên lầu treo quả chuông lớn có đúc nổi bốn chữ Hán “ Dạ Trạch Từ Chung”. Quả chuông được đúc vào năm Thành Thái thứ 14 (1902). Mỗi chiều xuống, chuông đền Dạ Trạch dóng lên ngân nga, vang động khắp cả một vùng. Ở đây còn có hai tấm bia làm bằng đá tảng lớn, có niên đại Gia Long thứ 17 (1879). Kế tiếp là hai dãy nhà quay mặt vào nhau, xưa kia đặt chín cỗ kiệu, và là nhà sắp lễ. Trước cửa đền có hồ bán nguyệt, bên trên là chiếc cầu cong cong mới dựng. Xưa kia mỗi năm đền mở hội, dân làng vẫn bắc cầu tre để rước kiệu qua.

Đền Dạ Trạch, gồm ba toà theo hình chữ công. Được dựng trên nền đất cao, trước kia vào đền phải bước lên 19 bậc. Đẹp nhất và tập trung nhất của ngôi đền là toà hậu cung. Trong cung kiến trúc theo mái vòm cuốn, gọi cho người ta cảm giác như đứng trong khoang thuyền lớn. Gian chính điện thờ ba pho tượng đồng đen cỡ lớn, song đã bị mất. Nay trong khám thờ ba cỗ ngai lớn được khắc chạm tinh xảo. Phía bên ngoài có ba pho tượng gỗ mới tạc. Như ở Đa Hoà, ở đây cũng thờ phối tự, nhưng có nét riêng rất tượng trưng và độc đáo. Bên phải gian chính điện thờ bài vị thân phụ và thân mẫu Chủ Đồng Tử. Bên trái là ban thờ đặt cỗ ngai và bài vị Dạ Trạch Vương Triệu Quang Phục

Xưa kia các triều đại nước ta thường cử các quan đại thần đến đền Dạ Trạch làm lễ dâng hương vào mùa xuân. Như vậy đền Dạ Trạch được chọn để triều đình dâng lễ, gọi là tế quốc điển. Cuối thế kỷ XIX được tiến sĩ Chu Mạnh Trinh đứng lên hưng công để trùng tu.

Trong đền còn lưu giữ nhiều cổ vật quý như sắc phong, hoành phi câu đối, chiếc nón và cây gậy biến hoá của Chủ Đồng Tử, tượng cá chép hoá rồng. Lễ hội chính của đền diễn ra cùng thời gian với lễ hội đền Đa Hoà, từ ngày 10 – 12 tháng giêng âm lịch. Cùng với lễ hội đền Đa Hoà đã trở thành lễ hội lớn nhất của

tỉnh và thu hút khách thập phương tham gia.

*** Đền Hàm Tử**

Đền Hàm Tử nằm ở phía đông nam thôn Hàm Tử (còn gọi là trang Hàm Tử) thuộc tổng Vĩnh Hưng huyện Đông An, phủ Khoái Châu, trấn sơn nam thượng xưa, nay thuộc xã Hàm Tử, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

Đền Hàm Tử thờ ba anh em họ Trần là Trần Phúc, Trần Nghiêm và Trần Quang, có công giúp vua Lý Thái Tổ đánh đuổi giặc ngoại xâm, bảo vệ nền độc lập dân tộc. Căn cứ vào sử sách và truyền thuyết, sự tích được tóm tắt như sau: Dưới triều vua Lý Thái Tổ (1009 – 1027) ở trang Hàm Tử có một hào trưởng tên là Trần Thuần, vợ là Lê Trân sinh được ba người con trai là Trần Phúc, Trần Nghiêm và Trần Quang, gia đình sống hoà thuận, được dân trong làng, ngoài xã rất mực quý trọng. Cha mất sớm, ba anh em Phúc, Nghiêm, Quang được mẹ nuôi dậy ngày một khôn lớn. Thời gian này giặc chiêm thành thường xuyên quấy nhiễu các châu, quận phía nam nước ta. Triều đình nhà Lý lập đồn lũy ở khắp các châu, huyện và Hàm Tử được coi là một trong những đồn lũy quan trọng trong tuyến phòng ngự của quân ta. Tại đây, vua Lý đã ra yết chiêu mộ nhân tài và ba anh em họ Trần đã có mặt. Nhờ tài thao lược và dũng cảm ba anh em được vua giao làm tướng tiên phong chống kẻ thù, mở những cuộc thủy chiến trên sông Hồng làm cho giặc không kịp trở tay, hàng vạn tên bị tiêu diệt, những tên sống sót dẫm đạp lên nhau mà chạy. Tin thắng trận vang rộng khắp mọi nơi. Trong niềm vui chiến thắng, vua Lý đã triệu ba anh em họ Trần và quân lính về trang Hàm Tử mở tiệc ăn mừng. Yết tiệc xong, vua xuống thuyền trở về kinh thành Thăng Long. Thần tích viết: “ Khi đất nước trở lại thanh bình, ba anh em họ Trần ở lại trang Hàm Tử và qua đời tại đây”. Nhà vua biết tin vô cùng tiếc thương đã cấp cho vàng bạc để nhân dân Hàm Tử xây dựng đền và phong thần cho ba vị: Vị thứ nhất là Đông hải uy mãnh, vị thứ hai là Hoàng hổ báo uyên bác, vị thứ ba là Phúc thần đại vương.

Tiếp nối dòng sử vẻ vang của dân tộc, đến thế kỷ XIII, cũng tại bến Hàm Tử này. Quân dân Đại Việt dưới triều Trần đã đập tan ý đồ xâm lược của quân

Nguyên – Mông lần thứ hai. Sau chiến thắng oanh liệt này, Thượng tướng Trần Quang Khải đã làm thơ rằng:

“Đoạt sáo Chương Dương độ,
Cầm hồ Hàm Tử quan.
Thái Bình tu trí lược,
Vạn cổ thử giang san.”

Đền Hàm Tử xây dựng từ thời Lý (thế kỷ XI), sơ khai chỉ là một ngôi miếu nhỏ. Trải qua các triều đại Trần, Lê, Nguyễn, đền được tu sửa và mở rộng thêm. Đến nay, di tích vẫn giữ được vẻ cổ kính với đầy đủ các hạng mục công trình như: Tiền đế, hậu cung và hai dãy tả hữu vu. Qua cổng tam quan là một khoảng sân rộng được những cây cổ thụ toả bóng mát quanh năm. Tiếp đến là khu đền chính xây dựng theo kiểu chữ Đinh. Toà tiền tế mái lợp ngói vẩy rồng, trên bờ nóc trang trí một đôi rồng lớn theo kiểu “ Lưỡng long châu nguyệt”. Liên kết bộ vì toà tiền tế theo kiểu “ chông giường đầu sen”. Các cấu kiện đều chạm khắc rất công phu theo những đề tài trong kiến trúc cổ truyền: Long quần tỵ, tứ linh, tứ quý...

Tại gian trung tâm có treo bức đại tự “ Thánh cung vạn tuế”, phía dưới là một cửa võng lớn sơn son thếp vàng, hai bên treo đôi câu đối ca ngợi chiến công của quân dân ta dưới hai triều đại Lý, Trần:

“Đoạt sáo bình Chiêm tiền Lý, tặng phong thang mộc áp
An dân phục quốc hậu Trần, gia tứ hoả hương tân”.

Dịch là:

“ Cướp giáo bình Chiêm, Lý trước được phong thang mộc áp,
An dân giúp nước, Trần sau thêm tặng hoả hương tân.”

Và một đôi câu đối ca ngợi tài năng, đức độ, công lao to lớn của ba anh em họ Trần và sự linh thiêng cứu giúp dân lành của các Ngài:

“Nhất mộng trước linh thanh rục Lý, phong công tồn cổ lược,
Tam đồng lưu hiển tích phù Trần tuấn liệt trí kim tuyên”.

Dịch là:

“ Tiếng dậy một giấc mơ phù lý danh cao tràn sách cũ,
Tích hiển ba ngài hoá giúp Trần công lớn đời nay”.

Nối tiếp với ba gian trung tâm toà tiền tế là ba gian hậu cung. Gian trung tâm hậu cung đặt ban thờ ba anh em họ Trần. Tại đây đặt ba cỗ ngai vàng và bài vị sơn son thếp vàng, chạm khắc kênh bong hoa cỏ một cách mềm mại.

Ngoài giá trị về mặt kiến trúc nghệ thuật, đền Hàm Tử còn lưu giữ nhiều hiện vật có giá trị lịch sử và mỹ thuật như: Cuốn Thần Tích được biên soạn vào thời Lê, niên hiệu Vĩnh Hựu tam niên, ba cỗ ngai vàng và bài vị, một chuông đồng thời Nguyễn, một án thư và rất nhiều câu đối ca ngợi tài đức của ba anh em họ Trần.

Với ý nghĩa lịch sử - văn hoá và nghệ thuật trên, đền Hàm Tử được Bộ Văn hoá thông tin xếp hạng di tích quốc gia ngày 21/1/1992. Lễ hội Hàm Tử được tổ chức hàng năm do nhân dân địa phương và nhân dân quanh vùng tổ chức rất long trọng, nhằm tỏ lòng biết ơn cha ông đã có công giữ nước, đồng thời giáo dục cho thế hệ trẻ trách nhiệm gìn giữ, bảo vệ di sản văn hoá quý báu này cho đời sau.

*** Khu di tích đền Mạn Xuyên**

Khu di tích đền Mạn Xuyên nơi thờ Chiêm Thành Cửa Ải Đại Vương Nguyễn Danh Minh vị thánh có công đánh giặc Chiêm Thành mở mang bờ cõi và bảo vệ đất nước.

Theo tiểu sử Ngài: Nguyễn Danh Minh quê ở huyện Lôi Dương tổng Đông Kết huyện Đông An mở trường dạy học. Bảy giờ Hùng Duệ Vương mở khoá thi, vào thi Đình nhà vua chấm ông đỗ đầu khoá, được vua gả công chúa Ngọc Nương – công chúa thứ ba, ông cùng với Tản Viên Sơn Thánh đánh giặc Chiêm Thành thắng lợi và được vua phong là Trấn Chiêm Thành Cửa Ải đại tướng quân.

Ngài sinh ra trong một gia đình nghèo, tính tình người hào hiệp, nhân từ được mọi người quý mến. Vốn là người thích đi du ngoạn ngài đã dời bỏ quê

huong đi chu du khắp nơi đến xứ Mạn Nhuế thuộc làng Mạn Xuyên ông đã có công chữa bệnh và dạy dân làng Mạn Xuyên biết cày cấy làm ăn và lập nghiệp. Năm đó giặc Chiêm Thành quấy phá biên giới phía nam. Ngài được cử đi đánh giặc Chiêm Thành và được gả Ngọc Nương công chúa.

Nhân dân tỏ lòng biết ơn đã lập đền thờ ngài tại xứ Tam Quan dốc Mạn Xuyên.

Đền Mạn Xuyên vừa được trùng tu xây dựng năm 2007 theo lối kiến trúc cổ đồng bằng Châu thổ sông Hồng và của riêng Mạn Xuyên hướng về phía vực Mạn Xuyên. Kiến trúc ngôi đền gồm hậu cung dựa theo kiến trúc đình Mạn Xuyên, đệ nhị, đệ tam và phần nhà tám mái hai bên là nhà tiếp khách, đại bái là gian gian ngoài cùng. Hiện nay đại bái đang trong quá trình tu sửa. Đền Mạn Xuyên có phong thủy cực đẹp và lý tưởng nằm trên thế “ Tựa sơn đạp thủy” lưng đền dựa vào đê sông Hồng hướng về vực Mạn Xuyên, nơi có ghi dấu nhiều sự kiện lịch sử gắn liền với mảnh đất Mạn Xuyên. Đền đã được Bộ văn hoá công nhận là di tích lịch sử cấp quốc gia. Cùng với Lễ hội diễn ra vào rằm tháng 2 Âm lịch hàng năm thu hút khách địa phương và những người con xa quê. Đây là lễ hội đặc biệt có một không hai ở đồng bằng Bắc Bộ Việt Nam.

*** Văn Chỉ Bình Dân**

Văn chỉ Bình Dân được biết đến không chỉ là văn chỉ hàng huyện mà còn là đại bản doanh của cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy. Văn chỉ Bình Dân thuộc làng Mìn, xã Bình Dân, tổng Bình Dân, huyện Đông Yên, phủ Khoái Châu xưa, ngày nay thuộc thôn Bình Dân, xã Tứ Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

Văn chỉ Bình Dân thờ đức thánh Khổng Tử, nhà bác học lớn Chu Văn An và các bậc tiên hiền Nho học. Từ xưa, Bình Dân đã có truyền thống hiếu học, khoa bảng, vì thế văn chỉ cả huyện được vinh dự đặt tại địa phương. Hiện ở đây còn lưu giữ hai tấm bia lớn với tiêu đề: “Đông Yên huyện tiến sĩ bia ký”, ghi danh hơn ba mươi vị đỗ đại khoa của cả huyện Đông Yên. Trong đó, xã Bình Dân có chín vị.

Văn chỉ Bình Dân cho đến ngày nay không rõ được xây dựng khi nào, chỉ

biết rằng khi thực dân pháp xâm chiếm và đô hộ Hưng Yên (1883) chúng đã đốt phá di tích này vì là nơi hội họp của nhân sĩ, trí thức và nhân dân huyện. Sau đó, ông **Đổng Quế**, người con của quê hương đã cùng nhân dân góp tiền của và công sức để tu sửa lại. Khi trở thành thủ lĩnh của phong trào Bãi Sậy, ông đã lấy Văn chỉ Bình Dân làm đại bản doanh.

Đổng Quế tức **Đình Gia Quế**, sinh ngày 01/11/1825, là con cụ **Đình Quý Công** với bà **Nguyễn Thị Bách**, quê xã **Nghiêm Xá**, huyện **Thường Tín**, tỉnh **Hà Đông** (Nay là **Hà Nội**). Ông học đến khoá sinh thì chuyển đến làng **Thọ Bình**, tổng **Bình Dân** để dạy học, sau làm **Chánh tổng** rồi thăng lên **Chánh tuần huyện Đông Yên**. Khi thực dân pháp xâm chiếm tỉnh thành **Hưng Yên (28/3/1883)**, ông từ quan về quê, chiêu mộ nghĩa quân đánh Pháp. Để có danh nghĩa tập hợp lực lượng, ông tự xưng là **Đổng Quân Vụ**, gương cao ngọn cờ đỏ hình vuông có tám chữ: “ **Nam đạo cần vương, Bình Tây phạt tội**”. **Đình Gia Quế** xây dựng ngay tại ấp **Thọ Bình** một cái thành bằng gạch, chu vi năm mẫu **Bắc Bộ**, có tường gạch vây quanh, có một số nhà kho, trường tập bắn, sân luyện tập võ nghệ, dưới có đường địa đạo, hầm ngầm bí mật xuyên toả mấy cây số đến các làng xung quanh như **Yên Vĩnh**, **Bình Dân**, **Đức Nhuận**, **Dương Trạch**... Ông lấy vùng **Bãi Sậy** làm căn cứ chính mà trung tâm là **đầm Dạ Trạch**.

Cờ nghĩa phát lên, rất nhiều văn nhân, trí thức và nhân dân trong vùng hưởng ứng, cả người già, phụ nữ, trẻ em hay các tướng lĩnh của triều đình **Tự Đức**, chống lệnh bãi binh của triều đình, cùng đến **Bãi Sậy** tham gia cùng nghĩa quân. Lực lượng theo nghĩa quân **Đổng Quế** rất đông đảo. Sau một thời gian chuẩn bị, ngày 6 tháng 3 năm **Quý Mùi**, **Đổng Quế** tế cờ khởi nghĩa tại **Văn chỉ Bình Dân**. Ngay sau lễ tế cờ, nghĩa quân đã tiến đánh một số nơi và gây cho **Pháp** những thất bại đầu tiên tại căn cứ **Bãi Sậy**. Sự lớn mạnh và những thắng lợi giòn giã của nghĩa quân đã làm cho quân **Pháp**, quân triều đình khiếp sợ.

Từ cuối những năm 1883 đến năm 1884, trên toàn mặt trận, thế lực của **Đổng Quế** ngày càng lớn mạnh, địa bàn hoạt động rộng lớn và thu được nhiều thắng lợi. Nhưng do một sơ xuất không phòng bị cẩn thận, lại mãi đuổi theo toán

tàn quân của Hoàng Cao Khải, nghĩa quân của Đông Quế bị thiệt hại nhiều tại bến đò Vạn Phúc (Hà Tây). Do tuổi cao sức yếu, ông đã giao binh quyền cho Chánh đề đốc Nguyễn Đình Tính làm tổng chỉ huy nghĩa quân Bãi Sậy. Ông mất ngày 21/11 năm Ất Dậu tại Dương Trạch.

Giữa lúc khó khăn, Bắc kỳ hiệp thống Quân vụ đại thần Nguyễn Thiện Thuật (quê thôn Xuân Dục, xã Xuân Dục, huyện Mỹ Hào), đã đứng lên lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy, đưa cuộc khởi nghĩa lên một quy mô đỉnh cao. Tháng 9/1885, nghĩa quân cũng tổ chức lễ tế cờ khởi nghĩa và hội nghị tướng sĩ ở Văn chỉ Bình Dân. Từ đây, dưới sự lãnh đạo của cụ Tán Thuật, cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy đã gây cho Pháp những tổn thất nghiêm trọng, trở thành cuộc khởi nghĩa lớn cuối thế kỷ XIX kéo dài trong 10 năm (1883 – 1892)

Văn chỉ Bình Dân vẫn còn lưu giữ những lời nhận xét của ông Trần Huy Liệu, Viện trưởng Viện sử học Việt Nam: “... Vinh quang thay nhân dân Bãi Sậy đã đóng góp nhân tài, vật lực vào cuộc khởi nghĩa chống thực dân Pháp. Trên trang sử kháng Pháp của nhân dân Việt Nam, hai chữ “ Bãi Sậy”...”. Nhân dân đã cung ngai, đúc tượng Nguyễn Thiện Thuật cùng thờ ở Văn chỉ.

Văn chỉ Bình Dân không chỉ là di tích lịch sử - văn hoá mà còn là một di tích đấu tranh cách mạng tiêu biểu của Hưng Yên. Do đó, năm 1962 Văn chỉ Bình Dân đã được Bộ Văn hoá thông tin xếp hạng di tích quốc gia vào diện sớm nhất.

*** Nhà thờ bà Hoàng Thị Loan**

Cách quốc lộ 39 khoảng 50m, nhà thờ bà Hoàng Thị Loan, thân mẫu chủ tịch Hồ Chí Minh, được xây dựng khang trang theo lối kiến trúc cổ trên khu đất trong đình làng cũ thôn Vân Nội.

Nhà thờ bà Hoàng Thị Loan mới được hoàn thành cuối năm 2005, xây dựng trên diện tích 5000m², kiến trúc gồm hai phần: Phần đất nổi xây dựng nhà thờ 5 gian theo lối truyền thống bằng gỗ lim, lợp ngói, bao quanh khu đất là diện tích ao hồ trồng sen, tăng thêm vẻ đẹp. Nơi đây không chỉ là nơi thờ tự mà còn lưu giữ nhiều tài liệu, hiện vật ghi nhận công lao to lớn của bà Hoàng Thị Loan

cùng những ảnh hưởng của bà và dòng họ Hoàng tới sự nghiệp sau này của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tại đây còn lưu giữ chiếc khung cửi của bà đã nuôi chồng, ông Nguyễn Sinh Sắc thi đậu cử nhân ở trường nghệ, sau đó ông vào Huế dự thi Hội. Cuối năm 1895, bà gửi người con gái Nguyễn Thị Thanh ở lại quê rồi cùng hai con Nguyễn Sinh Khiêm và Nguyễn Sinh Cung theo chồng vào Huế bà vẫn tiếp tục dệt vải để nuôi chồng, nuôi con ăn học.

Một phần nhà thờ được giành để trưng bày, giới thiệu những hình ảnh và hiện vật về Chủ tịch Hồ Chí Minh khi người về thăm Hưng Yên. Việc xây dựng nhà thờ có ý nghĩa giáo dục sâu sắc. Bên cạnh nhà thờ còn xây dựng các hạng mục khác như: Nhà đón khách, hệ thống sân vườn, cây cối, hồ sen hình bán nguyệt...

Tuy mới hoàn thành nhưng nhà thờ bà Hoàng Thị Loan đã đón được rất nhiều đoàn khách đến thăm quan, đặc biệt là thế hệ trẻ học sinh, sinh viên của các trường Đại học về thăm quan và học tập truyền thống.

Để có thể phát huy giá trị văn hoá, giáo dục và thăm quan du lịch của nhà thờ bà Hoàng Thị Loan còn có thể kết hợp với quần thể những công trình văn hoá lịch sử giá trị thuộc dòng họ Hoàng như: Sinh từ quận công Hoàng Nghĩa Phác, Giếng vàng, bia đá, voi đá... Không chỉ là những dấu tích của một dòng họ, mà còn mang những giá trị về văn hoá, lịch sử phục vụ việc nghiên cứu, học tập truyền thống. Cùng với hệ thống nhà tưởng niệm danh nhân trong tỉnh, nhà thờ bà Hoàng Thị Loan chính là một địa chỉ văn hoá mang ý nghĩa giáo dục truyền thống sâu sắc đối với thế hệ trẻ hôm nay. Để nhà thờ bà Hoàng Thị Loan phát huy tốt những hiệu quả về lịch sử, văn hoá, giáo dục thì cần được sự quan tâm hơn nữa của các cấp, các ngành nhất là chính quyền địa phương. Với ý nghĩa to lớn và những tiềm năng sẵn có nơi đây đã và đang trở thành điểm tham quan hấp dẫn của nhân dân Hưng Yên và du khách thập phương.

2.3.2.2 Lễ hội truyền thống

Lễ hội là một loại tài nguyên nhân văn, có sức hấp dẫn và thu hút khách du lịch cao. Thông qua lễ hội, ở mức độ nào đó du khách có thể thấy được, hiểu

được phong tục tập quán của địa phương. Bởi lễ đó lễ hội là một hình thức sinh hoạt đặc sắc phản ánh một mặt đời sống của mỗi dân tộc. Lễ hội thường gắn liền với các di tích lịch sử thường là một phần trong các chương trình thu hút khách, quảng bá của khu du lịch.

Là một huyện thuộc vùng đồng bằng sông Hồng có nền văn minh lúa nước lâu đời, Khoái Châu có nhiều lễ hội truyền thống và phong tục của nền văn minh lúa nước.

Nét độc đáo của lễ hội ở Khoái Châu đó là lễ rước nước gắn liền với sông Hồng. Trong đám rước du khách thấy được rồng, rước cờ, trống đặc biệt là kiệu bay ở một số lễ hội tại các địa phương của huyện đây là một lễ hội có một không hai ở đồng bằng Bắc Bộ ... Thông qua các lễ hội người dân như bày tỏ được lòng cảm ơn đất trời, thần nước, những người có công đức, tưởng nhớ tới các vị anh hùng và cầu mong cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

Bảng 2. Danh mục các Lễ hội quan trọng trong năm của huyện

Khoái Châu

S	Tên Lễ hội	Thời gian (tính theo âm lịch)	Địa điểm	Nội dung
1	Lễ hội Chủ Đông Tử - Tiên Dung	10 – 12/2	Đền Đa Hoà và Đền Hoá Dạ Trạch	Lễ hội có rước nước, hát trống quân, múa rồng .
2	Hội Đình Quan Xuyên	19 – 16/2	Làng Quan Xuyên	Thờ Ngũ vị đẳng thần, phần lễ có “Khai quang tẩy uế”, phần hội có rước nước ở sông Hồng
3	Hội Đền Mạn Xuyên	12 – 16/2	Xã Tứ Dân	Lễ hội có phần kiệu bay, lội nước độc đáo.
4	Hội Đền Ngự Dội	6 -10/2	Làng Mạn Trầu.	Thờ Chủ Đổng Tử - Tiên Dung, kiệu bay và lội nước
5	Lễ hội Hàm Tử	6 – 8/ 2	Xã Hàm Tử	Thờ Thánh Phúc – Nghiem, rước kiệu, tế lễ
6	Hội Đền Nhuế Dương	14 – 15/2	Nhuế Dương	Thờ Triệu Việt Vương, tế lễ, rước kiệu
7	Hội Đền Đại Quan	10/2	Đại Hưng	Thờ Linh Lang – Đông Hải – Hoàng Triều
8	Hội Đền An Lạc	20 – 22/9	Đông Tiến	Thờ Đỗ Anh Vũ

*** Lễ hội Chủ Đổng Tử - Tiên Dung**

Chủ Đổng Tử, một trong bốn vị “ Tứ bất tử” của Việt Nam, vị thánh đặc trưng tiêu biểu cho quá trình khai phá đầm lầy lau sậy, vùng sông nước thành

những làng mạc trù phú; người khai sinh và mở mang nghề buôn... Đặc biệt là lòng thủy chung son sắc với tình yêu đôi lứa, với gia đình và với cả xã hội. Từ thời Hùng Vương dựng nước, trải qua bao biến cố của lịch sử, truyền thuyết Chử Đồng Tử - Nhị vị phu nhân vẫn ăn sâu vào tiềm thức của nhân dân Hưng Yên nói riêng, của dân tộc Việt Nam nói chung.

Trong suốt quá trình cứu nhân độ thế, tam vị Đức Thánh tiên đã cứu cánh biết bao sinh linh thoát khỏi tử thần. Các đời vua đều có bao phong, sắc chỉ cho ba vị Đức thánh tiên làm “ Thượng đẳng thần tối linh Thành Hoàng”. Tất cả những nơi các Ngài kinh lý qua, nhân dân đều lập đền thờ, có tất cả bảy mươi hai làng lập đền thờ. Trong đó, Đa Hoà (Đền Chính), Dạ Trạch (Đền Hoá) và Đông Tảo (quê hương của bà Tây Sa công chúa), là những di tích chính.

Trước đây, lễ hội Chử Đồng Tử - nhị vị phu nhân là một lễ hội lớn, là sự kết chạ và giao hiếu của đằm Dạ Trạch (nơi thành quách bay về trời) với bãi Tự Nhiên thuộc xã Tự Nhiên - Thường Tín (nơi Chử Đồng Tử vùi mình dưới bãi cát và gặp Tiên Dung khi nàng quây màn tắm) với đền Chính Đa Hoà (nơi sinh cơ và lập nghiệp của các Ngài) và với xã Văn Đức – Gia Lâm (quê hương phụ thân, phụ mẫu của Chử Đạo Tổ). Tuy nhiên ngày nay lễ hội đã giản tiện hơn chỉ có rước sách qua lại giữa đền Hoá Dạ Trạch, bãi Tự Nhiên và đền Chính Đa Hoà. Lễ hội nổi tiếng với nghi thức rước nước ở sông Hồng. Lễ rước lớn từ đền Dạ Trạch xuống thuyền, dẫn đầu là hai con rồng vàng lộng lẫy, uốn lượn theo nhịp trống phách. Hai hàng là các bà, các cô trong làng xiêm, áo đủ màu. Chiếc kiệu đầu tiên đặt chiếc gậy, úp nón lên tượng trưng cho sự hoá thành lâu đài. Tiếp theo là đội ngũ bát bửu, chấp kích, kiệu thánh cùng ba cặp “ con đĩ đánh bông” và sau cùng là đông đảo nhân dân dự hội. Hàng chục chiếc thuyền được trang trí lộng lẫy ở bên sông chờ đón rước. Bên kia sông, con rồng đất bãi Tự Nhiên cũng đang ngóng sang, chờ xí rợp trời. Khi cả hai đoàn gặp nhau ở giữa sông, ta sẽ thấy một cụ già râu tóc bạc phơ múc từng gáo nước với dáng điệu kính cẩn rồi hai đoàn rước hoà nhau, trống phách lại tung bừng lên rộn rã. Tất cả rước Thánh đi “ phát du” (dạo chơi) trên sông, ngược về phía đền Chính Đa Hoà, đi

đều là thuyền hát quan họ, càng làm tăng thêm sắc màu dân gian của lễ hội.

Trong những ngày lễ hội, tại Đa Hoà và Dạ Trạch diễn ra nhiều hoạt động sinh hoạt văn nghệ và trò chơi dân gian, nổi tiếng là múa rồng, múa lân, múa sênh tiền, múa “ con đĩ đánh bông”, hát chèo, hát quan họ... Những sinh hoạt văn hoá này càng tăng thêm sức hút của lễ hội. Trong lễ hội có các trò chơi dân gian như đi cầu kiều, bịt mắt đập chum, chọi gà, chọi đu, đặc biệt là trò “ cờ người”. Cờ người ở đây có quy cách chơi rất chặt chẽ, tương cờ phải là đàn bà từ 50 tuổi trở lên, chồng có danh vọng, con cái ngoan và thành đạt...

Như vậy, có thể thấy lễ hội Chử Đồng Tử - Tiên Dung là một lễ hội đặc sắc của vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng, mà trọng hội vào ngày 12 đến 14 – 2 Âm lịch. Thời đế quốc phong kiến, nhiều năm nhà vua, các công thần khanh tướng, thống sứ, toàn quyền Đông Dương... đều về tế lễ và dự hội.

Lễ hội Chử Đồng Tử - Tiên Dung diễn ra trong bầu không khí vừa linh thiêng cao đạo, lại vừa sôi nổi vui vẻ và đầm ấm, chan hoà tình người, đậm đà tính nhân văn. Nhắc lại sự tích về cuộc hạnh ngộ diệu kỳ thuở xa xưa với bao kỉ niệm đẹp đẽ, trữ tình nên thơ của Chử Đồng Tử và Tiên Dung, và thiên tình sử của họ mãi mãi sống trong tâm thức dân gian và tâm linh dân tộc.

*** Lễ hội Đình Quan Xuyên**

Làng Quan Xuyên nằm ở phía Tây Bắc của tỉnh, cách thành phố Hưng Yên hơn 20km, thuộc tổng Đại Quan, huyện Đông An, phủ Khoái Châu (Ngày nay thuộc xã Thành Công, huyện Khoái Châu).

Quan Xuyên nằm bên bờ sông Hồng, mang những nét đặc trưng của một làng truyền thống vùng đồng bằng Bắc Bộ với “ cây đa, giếng nước, sân đình”. Nơi đây, còn lưu giữ được một quần thể di tích lịch sử - văn hoá phong phú, gồm có Đình Quan Xuyên (thờ Ngũ vị đẳng thần); Miếu Thượng (thờ Tam vị thượng đẳng thần Chử Đồng Tử và nhị vị phu nhân); Miếu Trung (thờ linh ứng đại vương Phạm Công Nghi); Miếu Hạ (thờ thành hoàng làng đại vương Vũ Quang Chiếu); chùa Quan Xuyên; nhà sắc hay nhà Hội đồng; Văn chỉ Quan Xuyên và lăng mộ Vũ Quang Chiếu. Tất cả những di tích trên đều có quan hệ

mật thiết tới lễ hội làng Quan Xuyên, tạo thành một lễ hội hoàn chỉnh.

Theo thần tích, thần sắc tại đình Quan Xuyên thì cả “ Ngũ vị đẳng thần” đều có công lao rất lớn đối với dân, với nước. Tam vị đức thánh tiên đại diện cho quá trình khai phá vùng đất hoang vu thành những làng mạc trù phú, có công cứu nhân độ thế, mở mang nghề buôn... Và đặc biệt là lòng thủy chung son sắt trong gia đình, xã hội. Do có công lao to lớn, đời vua Lê Trang Tông (1533 – 1548, niên hiệu Nguyên Hoà) đã sắc phong cho Đức Thánh Ông làm “ Chủ công Đồng Tử thượng đẳng đại vương chi thánh tôn thần”, cho Tiên Dung công chúa là “ Tiên Dung công chúa thượng đẳng phù tiên tôn thần” và cho Tây Sa công chúa làm “ Nội giáp Tây cung công chúa huyền diệu tôn thần”. Các đời vua về sau đều ban phong cho ba vị làm “ Thượng đẳng thần”. Do vậy, Quan Xuyên là một trong 72 làng ven sông Hồng thờ Chủ Đồng Tử - Nhị vị phu nhân làm Đức Thành Hoàng.

Còn về Vũ Công chiếu và Phạm Quang Nghi là bạn quan đồng liêu. Tuy quê quán khác nhau nhưng cả hai đều là những công hầu khanh tướng, phụ giúp nhà Lê. Hai ông kết nghĩa làm anh em. Sau đó nhà Mạc chiếm ngôi, hai ông hiệp lực “phù Lê diệt Mạc” có nhiều công lao. Khi mất, Phạm Công Nghi được truy phong làm Thái Bảo Nghi Công, Linh ứng đại vương, còn Vũ Quang Chiếu làm thái phó, Quang Chiếu đại vương. Cả hai về sau được phong làm “ Trung đẳng thần”.

Trước đây, lễ hội truyền thống đình Quan Xuyên được tổ chức từ ngày mùng 9 đến ngày 16 tháng 2 Âm lịch, nhưng sau này vào năm 1938 cụ Cao Văn Linh (làm thông phán ở Hưng Yên) đã quy định lịch tổ chức lễ hội vào các năm “ Thìn, Tuất, Sửu, Mùi”.

Lễ hội đình Quan Xuyên cũng mang đặc trưng chung của lễ hội vùng đồng bằng Bắc Bộ. Lễ hội cũng gồm có hai phần quan trọng là Lễ và Hội. Phần Lễ có nhiều lễ khác nhau như lễ “ Khai quang tẩy uế”, lễ “ yết cáo”, “ dâng vàng hương”, lễ chay, lễ mặn...Phần hội trở lên vui nhộn hơn, sôi động hơn bởi những đám rước như đám rước nước ở sông Hồng. Đặc biệt, Lễ hội còn diễn lại

hai trò chơi tục “ Hèm” (diễn lại sự tích liên quan đến vị thần thánh được thờ) của vị Thành hoàng làng là Vật lều và tục rước quân đèn. Những cảnh giành giật, giằng co quyết liệt trên một sân rộng 75 vật thủ tham gia, ta sẽ hình dung ra cảnh lênh đèn sông nước của hai người bạn tâm giao đã từng trải qua... đám rước vừa uy nghi, vừa trang nghiêm vừa vui tươi, lành mạnh của 51 quân đèn từ nhà sắc ra đình, cũng tái hiện cảnh đang đêm dân làng Quan Xuyên ra sông vớt ngai và tàn của Phạm Công Nghi về thờ tại miếu Trung. Trò chơi này đã thu hút sự tham gia của đông đảo quần chúng nhân dân các xã trong huyện, các huyện trong tỉnh và các tỉnh lân cận như Hà Tây, Thái Bình, Hà Nam đến dự, đưa lễ hội đình Quan Xuyên vượt khỏi làng khỏi xã, huyện trở thành một lễ hội đặc thù của Hưng Yên nói riêng và của cả vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng nói chung.

*** Các lễ hội ở xã Tứ Dân huyện Khoái Châu**

Xã Tứ Dân có nhiều khu di tích và lễ hội truyền thống như: lễ hội đền Mạn Xuyên (từ ngày 12 đến 16 tháng 2 Âm lịch), lễ hội đền Ngự Dội (từ ngày 8 đến 10 tháng 2 Âm lịch), lễ hội đình làng Phương Trù (mùng 8 đến 10 tháng 2 Âm lịch).

Lễ hội Mạn Xuyên thu hút rất nhiều du khách thập phương và những người con xa quê về dự lễ hội. Một lễ hội có một không hai ở miền Bắc Việt Nam với kiệu bay, lội nước thể hiện sự oai phong của vị tướng đánh giặc bảo vệ và mở mang bờ cõi “ kiệu bay quay đầu phải tay nghề. Ra oai thể hiện lời thề tướng quân” và sự nô nức, náo nhiệt của lễ hội Mạn Xuyên. Lễ hội gồm hai phần:

Phần Lễ: Ngày 8 tháng 2 mở cửa đền, cửa chùa, cửa đình treo cờ nổi trống. 14h ngày 14 tháng 2 khai mạc tổ chức rước lấy bát hương ở đền trong. Ngày 15 tháng 2 rước du trên toàn bộ đê Mạn Xuyên. Ngày 16 tháng 2 tổ chức rước trả bát hương và tế an vị bé mạc lễ.

Phần hội có nhiều trò chơi dân gian: đập niêu, đi cầu kiều, bịt mắt bắt dê... Buổi tối ngày 14, 15 tháng hai giao lưu văn nghệ, diễn xiếc...

Lễ hội đèn Ngự Dội làng Màn Trầu diễn ra từ ngày mùng 6 đến mùng 10 tháng 2 Âm lịch, đây cũng là một trong những lễ hội độc đáo mang bản sắc của Tứ Dân với nét văn hoá linh thiêng với kiệu bay và lội nước. Tương truyền đèn Ngự Dội làng Màn Trầu là nơi Chử Đồng Tử gặp Tiên Dung. Đèn nằm ở giữa bãi Mạn Trò châu cách sông Hồng 550m và cách km96 đê sông Hồng 195 là 550m.

Tứ Dân là vùng đất duy nhất ở đồng bằng châu thổ sông Hồng có các nét văn hoá kiệu bay và lội nước thể hiện nét văn hoá đặc thù và linh thiêng của vùng đất lịch sử chưa được biết đến trong lịch sử dân tộc Việt Nam.

2.3.2.3 Nét đẹp sinh hoạt

a) Làng nghề thủ công

*** Miến Dong Tứ Dân**

Xã Tứ Dân có nghề làm miến dong khá nổi tiếng. Từ những củ rong riềng được trồng trên chính mảnh đất quê hương. Người dân xã Tứ Dân đã biết chế biến thành miến. Nghề làm miến truyền thống đã tồn tại và phát triển gần nửa thế kỷ nay tại xã Tứ Dân.

Theo những người lớn tuổi trong xã kể lại thì nghề làm tinh bột và miến dong đã có mặt ở Tứ Dân khoảng 30 – 40 năm nay. Cùng với cách làm tinh bột từ củ dong riềng, người dân còn mạnh dạn lấy tinh bột hấp nóng để thành sợi miến, cũng từ đó nghề làm miến dong được hình thành và phát triển cho đến ngày nay. Miến Tứ Dân thường được chia thành hai loại đó là miến trắng và miến trắng mộc. Miến trắng mộc làm khó hơn, đòi hỏi kỹ thuật cao hơn, chính vì thế mà giá thành của loại này cũng cao hơn so với miến trắng, còn miến trắng chủ yếu là hàng được mọi người đặt đem đi biếu, làm quà vì loại miến này có hình thức đẹp hơn.

Để có một mẻ miến đẹp thì phải trải qua rất nhiều công đoạn phức tạp. Việc đầu tiên là phải chọn bột, phải lọc bột từ 2 đến 3 lần rồi sau đó đánh và hàm bột thành hồ, sau công đoạn này sẽ đưa vào máy cán ra bánh, bánh lại tiếp tục được cắt thành sợi nhỏ và cuối cùng là phơi nắng. Trong đó công đoạn chọn

bột và pha chế được coi là khâu quyết định và quan trọng nhất.

Sản xuất miến dong ở Tứ Dân thường được thương lái đem đi bán ở các tỉnh lân cận như: Hải Dương, Bắc Ninh, Quảng Ninh và nhiều tỉnh miền trung như Nghệ An, Hà Tĩnh, Thanh Hoá. Cũng nhờ vào nghề làm tinh bột và miến dong được duy trì và phát triển, trong những năm gần đây đời sống nhân dân trong xã đang càng ngày càng được cải thiện và thay đổi từng ngày.

*** Làng nghề đan bèo tây**

Đây là một nghề cũng mới xuất hiện tại xã Minh Châu huyện Khoái Châu. Trước kia ta thường thấy cây bèo tây chỉ là một loài cây mọc rất nhiều ở các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ, gây phiền toái không ít cho các tỉnh này. Cây bèo tây mọc rất nhiều ở các sông nhỏ, mương, hồ, ao... Thân lá dài từ 30 -50cm, rễ bèo vừa dài vừa mọc chùm và đặc biệt chúng sinh sản rất nhanh, gây ách tắc dòng chảy và đặc biệt là chúng còn “ ăn hết màu”.

Từ những năm trước, con người phải rất khổ công vớt lên và gom lại để hủy. Nhưng mấy năm gần đây ở huyện Khoái Châu, bèo tây đã thực sự lên ngôi, rất có giá. Người có công khởi sự kết quả này là bà Chu Thị Nguyệt, giám đốc công ty Ánh Hồng, công ty trước đây chỉ sản xuất mặt hàng mây tre đan.

Bà Nguyệt đã vào thăm vùng Nam Bộ, thấy bèo tây là nguyên liệu sản xuất các mặt hàng thủ công mỹ nghệ, bà đã gia công học được cách chế biến và gia công hàng mỹ nghệ từ bèo tây. Về quê, bà nhanh chóng tổ chức thu gom và chế biến sản xuất bèo tây thành các mặt hàng thủ công mỹ nghệ. Năm 2000, lô hàng đầu tiên đã được xuất khẩu sang Đức. Thắng lợi ban đầu là một động lực lớn, khuyến khích công ty của bà và bà con nông dân trong vùng.

Bèo tây sau khi được người nông dân vớt lên mang về, trải qua các công đoạn hấp nhuộm thân bèo tây, phơi bèo tây sau khi đã hấp nhuộm, tiếp đến đó là công đoạn đòi hỏi sự khéo léo và óc thẩm mỹ của con người đã trở thành những chậu hoa, chậu cây, giá đĩa treo tường, túi sách, làn đi chợ...

Hiện nay, mỗi tháng mặt hàng bèo tây, công ty Ánh Hồng đã tiêu thụ 200 tấn bèo khô, xuất khẩu với số lượng lớn trị giá từ 200 đến 300 triệu đồng. Mặt

hàng bò tây đã được xuất khẩu sang các nước Châu Âu như: Đức, Séc, Ba Lan...sang các nước Châu Á như: Hàn Quốc, Nhật Bản... Hàng thủ công mỹ nghệ từ bò tây rất được ưa chuộng vì sự nhẹ nhàng, duyên dáng và độc đáo...

Hiện nay huyện Khoái Châu đã có trên 400 hộ dân tham gia vào việc thu gom bò tây, phơi khô về chế biến, gia công một cách hồi hã và tấp nập. Doanh thu từ công việc này đã thực sự giúp cải thiện đời sống của người nông dân. Hiện nay người lao động có mức lương thấp nhất cũng 800 ngàn đồng / tháng, người có kỹ thuật cao thu nhập từ 2 đến 3 triệu đồng / tháng. Ở những làng xung quanh thị trấn Khoái Châu đúng là người người làm bò, nhà nhà làm bò. Cũng từ khi có công việc làm bò, đã không còn cảnh đàn ông nhậu nhẹt, cờ bạc, cả trẻ em cũng không chơi bời, lêu lổng như trước nữa.

Hiện tại, cùng với sự giúp đỡ của ủy ban nhân dân xã và huyện đã xây dựng được các nhà kho, bãi tập kết hàng, xây nhà sấy bò, áp dụng các kỹ thuật sấy bò bằng diêm sinh, dùng chất bảo quản bò không bị ẩm mốc, ngăn chặn tối đa chất độc hại thải ra môi trường.

Bò tây giờ đây đã thực sự trở thành loài cây hữu ích rất nhiều cho người nông dân huyện Khoái Châu, nó đã mang lại công ăn việc làm cho người nông dân, giúp cải thiện đời sống hàng ngày, nhiều gia đình ngày càng trở lên khá nhờ cây bò tây.

b) Đặc sản và văn hoá ẩm thực

*** Đặc sản chuối Tiêu Hồng**

Hưng Yên không chỉ nổi tiếng với nhãn lồng, mà mỗi vùng mỗi địa phương trong tỉnh đều có những loại cây trái đặc trưng riêng.

Trong những năm qua xã Tứ Dân huyện Khoái Châu đã thâm canh được một loại cây đó là chuối tiêu hồng lớn nhất của huyện. Sau những cánh đồng chuối tiêu xanh tốt là những ngôi nhà mái bằng, nhà cao tầng và con đường làng sạch đẹp.

Diện tích chuối của Tứ Dân chiếm gần 1/3 diện tích chuối toàn huyện, trong đó chuối tiêu hồng chiếm 90%. Thấy được kết quả thu được đáng bất ngờ,

nhân dân toàn Tứ Dân đang dần chuyển dịch đất của một số loại cây trồng khác sang trồng chuối tiêu hồng. Nhân dân xã Tứ Dân đang phấn đấu đưa cây chuối tiêu hồng sớm có thương hiệu như một số loại cây trồng khác của tỉnh.

Chuối Tứ Dân là loại chuối có hình thức đẹp, ăn lại rất ngọt và thơm. Loại chuối này có thể được dùng trong những ngày lễ tết đặt lên bàn thờ tổ tiên hoặc có thể mua biếu làm đặc sản mỗi khi du khách đến nơi đây.

*** Văn hoá ẩm thực**

+ Chả gà Tiểu Quan

Làng Tiểu Quan thuộc xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu từ lâu đã lưu truyền một món ăn lạ, độc đáo, hấp dẫn: Món chả gà

Cách làm chả gà rất công phu, lấy thịt nạc, bỏ hết gân, xương rồi chặt nhỏ cho vào cối giã, khi gần được trộn với lòng đỏ trứng gà, nước mắm ngon, hạt tiêu, gừng, mỡ lợn thái hạt lựu rồi giã tiếp, giã xong lấy mo cau xúc và phết thịt lên phen tre để nướng, việc phết thịt cũng không phải dễ dàng, nếu mỏng quá thịt cháy và chảy sệ xuống lò, nếu dày quá thịt không chín đều, nướng chả phải bằng than hoa, nếu là than nhãn thì càng tốt, đặc biệt nếu có quả thông khô cho vào thì càng đượm, càng thơm. Ăn chả gà đúng hơn là thưởng thức một món ăn độc đáo, không ăn bổ bã như những thứ khác. Vào dịp Tết trời se lạnh bạn hữu quây quần nâng chén rượu Trương Xá với chả gà, chiều xuân vào tối lúc nào không hay.

+ Bánh lá Tứ Dân

Bánh lá còn gọi là bánh rặng bừa hay bánh tẻ, trong những ngày Tết nguyên đán, Tết Đoan ngọ, rằm tháng Bảy, các lễ tục, ngày giỗ ... trong dịp lễ hội làng rằm tháng 2 âm lịch, liên hoan... trong nhà mỗi gia đình ở làng Mạn Xuyên không thể thiếu bánh lá. Bên mâm cỗ đầy nhiều thức ăn ngon, có thêm đĩa bánh lá chưa bóc lá, bóc khói nóng sốt, dậy mùi thơm của hành mỡ. Và sau khi cúng xong, hạ cỗ xuống ăn, vừa ăn vừa bóc lá, thật không gì thú vị hơn. Bánh lá được người dân ở làng Mạn Xuyên, xã Tứ Dân thường gọi bởi bánh gói bằng lá dong. Bánh này còn gọi là bánh tẻ vì được làm từ gạo tẻ, Gạo ngâm mực rồi

xay. Nhân bánh gồm thịt, hành khô, mộc nhĩ. Bánh được gói trong lá dong rồi hấp hoặc luộc. Để làm bánh lá Mạn Xuyên, bột cho vào nồi khuấy chín 50% rồi lại cho vào máy đánh nhuyễn thêm cho mẻ bột vừa sánh, vừa dẻo lại dai tấm bánh. Khâu làm bột này quyết định chất lượng bánh có ngon hay không. Người ta bảo rằng cách pha chế và đánh bột được coi là bí quyết riêng của từng gia đình trong làng. Nhân bánh từ hành khô phi thơm lừng, thả thịt ba chỉ băm nhỏ rồi nước mắm ngon, hạt tiêu, mộc nhĩ thái mịn đảo đều tay, khi thịt hơi săn, tỏa mùi thơm là được. Gói bánh hay còn gọi là lấy bột cũng là khâu quan trọng, đòi hỏi phải khéo tay, bột phết đều, gọn trong lòng lá, nhân đặt chính giữa. Bánh Lá gói bằng lá dong trồng ở vườn, mềm, dai và có màu xanh rất riêng. Bánh gói xong rồi là bánh sống, muốn ăn phải nấu chín bằng cách đồ giống như đồ xôi hoặc luộc chín.

c) Nghệ thuật dân gian truyền thống

***Hát trống quân**

Hát trống quân là một lối hát giao duyên ở vùng đồng bằng Bắc Bộ. Thường được tổ chức vào ban đêm, dưới trăng mùa thu, trong lúc có hội hè hoặc khi dân làng rảnh rỗi để phô diễn tài nghệ đối đáp và trao đổi tâm tình trai gái. Gọi là hát trống quân vì lối hát này phải cần đến một nhạc cụ gồm có một cái thùng trống và một sợi dây căng ngang lên trên để khi dứt câu hát có tiếng trống đệm vào “Thình, thùng thình”.

Nghệ thuật hát trống quân là một phương thức giao duyên của trai gái thôn quê đồng bằng Bắc Bộ, có ở rất nhiều vùng, từ Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hưng Yên ... cho đến Thanh Hoá, tuy nhiên mỗi vùng lại có mỗi khác biệt chút ít. Riêng trống quân Dạ Trạch, sự ra đời của nó lại được gắn chặt với huyền tích về thiên tình sử trên bãi Tự Nhiên. Nơi Tiên Dung gặp Chử Đồng Tử. Chuyện kể rằng sau cái duyên kỳ ngộ trên bãi sông, thì cặp vợ chồng Tiên Dung - Chử Đồng Tử cắm đất lập làng, khẩn hoang chiêu mộ dân chúng. Họ dạy dân cấy lúa, nuôi tằm, dùng phép tiên chữa bệnh cho nhân dân. Lúc rảnh rỗi, nàng công chúa Tiên Dung lại dạy trai gái hát đối. Chính từ điệu hát này mà đức

thánh Chử Đồng Tử lại cưới thêm một bà vợ nữa, tên là Tây Sa công chúa. Điều hát ấy được coi chính là điệu hát trống quân Dạ Trạch còn lưu truyền đến ngày nay, mà người ta vẫn thường hát trước cửa ngôi Đình Hoá – xã Dạ Trạch. Nơi thờ Chử Đồng Tử và nhị vị phu nhân.

Thời xưa, khi nông nhàn hay kỳ trăng sáng, trai gái ở thôn Yên Vĩnh (xã Dạ Trạch ngày nay), thường tìm bãi đất trống trong làng, đào đất làm trống quân, chải chiếu ngồi hát. Việc hát trống quân không cầu kỳ tinh tế như quan họ, mà lại nô nê ngẫu hứng ứng tác, cứ thơ lục bát là hát được, lời hát có lúc chân tình giản dị, nhưng cũng có lời “bốc lên đến giờ”. Dưới đây là đoạn hát đối đáp của hội trống quân:

Bên nam hát rằng:

“Đồn em hay kể chuyện kiều
Nhân đây anh hỏi mấy điều xem sao?
Kiều – Vân em chị thế nào
Ai hơn ai kém má đào xuân xanh”.

Bên nữ mới đáp:

“ Hỏi sao ngoắt ngoéo thế anh.
Thúy Kiều là chị rõ ràng hẳn hoi
Hai làng cùng đẻ sinh đôi
Anh nhắc câu chuyện em thời tỏ ra
Đầu lòng hai ả Tố Nga...”

Đáp đi đáp lại cứ thế, có đôi trai tài gái sắc hát mấy đêm liền mới chịu nhau, rồi lên duyên... Trống quân có nhiều lối hát: hát chào; hát hoạ (đổi); hát đố (hoa quả, sông núi, đố lấy kiều); hát thách, hát ước hẹn, hát thề nguyện... Một canh hát trống quân ngày trước, giống như quan họ, không có thời hạn nhất định, đám hát có khi thâu đêm, nối từ hôm này sang hôm khác. Những bài hát cổ khôi phục lại, có bài dài tới 15 – 20 phút. Trống quân cổ ở Dạ Trạch ngay lần đầu tiên đem đi trình làng đã đoạt huy chương vàng Liên hoan văn nghệ dân gian toàn quốc.

So với những làn điệu dân ca giao duyên khác như hát đúm, hát gheo, hát xoan, hát ví, thì trống quân là một thể hát có thể nói là đơn giản nhất cả về âm nhạc lẫn cách diễn xướng. Nhạc cụ gõ duy nhất là chiếc trống quân giữ nhịp, tạo tiết tấu. Nhưng đúng theo thể cách của những đám hát trống quân xưa ở Dạ Trạch thì thường dùng cái thùng gỗ đựng nước mắm của những thuyền buôn mắm ngày xưa, cho tiếng rất vang và ấm.

Loại thùng này bằng bằng gỗ ghép đai mây phết sơn ta, cao khoảng 40cm, đường kính đáy 30cm, đựng được 20 lít nước mắm. Người ta đào một hố đất, kê mấy thanh tre ngang rồi úp ngược cái thùng gỗ xuống. Sau đó đóng cọc căng dây mây, sợi dây dài 5m vắt qua một cái chạc chữ V trên mặt đáy thùng gỗ. Khi hát, người ta cầm dùi gõ, gõ vào cái dây mây căng thẳng.

Người hát trải chiếu, nam một bên, nữ một bên. Từng đôi một vào hát thì ngồi trên hai chiếc ghế gần thùng trống, cách nhau sợi dây trống. Cứ nam hát xong thì người nữ hát đáp, hoặc ngược lại, không hát song ca. Vì là hát đối đáp, nên người hát buộc phải hát rõ lời, không có nhấn nhá luyến láy gì nhiều.

Trống quân Dạ Trạch bị đứt đoạn năm 1945 do biến động lịch sử. Năm 1992, một nhóm người yêu thích văn nghệ dân gian trong đó có bác Nguyễn Duy Phú, Lê Hồng Điệp đã đi sưu tập lời hát cổ, khôi phục thành các bài hát đối. Họ lập ra đội trống quân Dạ Trạch, vận động các thành viên tuổi trung niên ở xã tham gia, mời những nghệ nhân từng tham gia hát trống quân và chính họ đã góp phần tái tạo gìn giữ làn điệu dân ca trống quân đồng bằng Bắc Bộ.

Với người dân Dạ Trạch, một làn điệu dân ca cổ còn lưu truyền và phát triển làm đẹp thêm truyền thống văn hoá làng quê mới là điều đáng quý. Tâm niệm đó không chỉ của các bậc nghệ nhân già mà của cả lớp diễn viên trẻ của dân làng bên bờ đầm Dạ Trạch có câu truyện huyền thoại Chử Đồng Tử và Tiên Dung.

2.4 Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật

+ Hệ thống giao thông: Khoái Châu có 964,5 km đường bộ, trong đó 53,3km đường tỉnh và quốc lộ; 19,3km đường tỉnh uỷ khác cho huyện quản lý

34,9km đường huyện; 857km đường do xã, thôn quản lý.

+ Phương tiện vận chuyên: Toàn huyện có 5 chiếc xe chuyên chở khách du lịch thuộc các khu công nghiệp lớn. Khách ở đây chủ yếu là công nhân, cán bộ, nhân dân các tỉnh lân cận, thường đi dài dặc vào các ngày lễ cuối tuần...

+ Hệ thống điện lực: Toàn huyện có 87 biến áp với dung lượng 21.830 KVA, trong đó có 32 máy với dung lượng 8.530 KVA cung cấp cho các trạm bơm, còn có 55 máy với tổng dung lượng 13.300 KVA cung cấp điện cho các hoạt động dân sinh kinh tế khác.

+ Nước sinh hoạt: Thị trấn Khoái Châu và thị tứ Bô Thời được đầu tư 2 công trình nước sạch đã được đưa vào hoạt động phục vụ 10.000 dân. Trên 90% dân số trong huyện dùng nước sạch.

+ Thông tin liên lạc: Khoái Châu có 1 bưu điện tổng và 25 bưu điện văn hoá xã được trang bị máy móc thiết bị tiên tiến và phủ sóng toàn huyện. Hiện nay 100% số xã trong huyện đã có điện thoại, bình quân 17 máy/ 100 dân.

+ Về giáo dục đào tạo: Hệ thống giáo dục của huyện gồm có 1 trường đại học (đại học sư phạm kỹ thuật Hưng Yên tại xã Dân Tiến), 1 trường cao đẳng (trường cao đẳng Cơ Điện và Thủy Lợi xã Dân Tiến), 1 trường Trung Học Kinh tế Kỹ Thuật Tô Hiệu, 6 trường THPT và Tương đương: Khoái Châu (thị trấn Khoái Châu), Nguyễn Siêu (xã Đông Kết), Trần Quang Khải (xã Dạ Trạch), Nam Khoái Châu (xã Đại Hưng), Dân lập Khoái Châu (xã Phùng Hưng, Bồ tát văn hoá (thị trấn Khoái Châu và xã An Vĩ). Trên 27 Trường tiểu học và trung học cơ sở.

+ Cơ sở y tế: Về cơ sở y tế toàn huyện có 1 bệnh viện huyện, 3 phòng khám đa khoa khu vực, 24 trạm y tế xã, thị trấn chưa kể mạng lưới y tế trong khu vực kinh tế công nghiệp, 85% trạm y tế xã, thị trấn có bác sỹ đạt tiêu chuẩn. Ngành y tế huyện đã thực hiện tốt các chương trình y tế quốc gia, y tế cộng đồng đảm bảo chức năng là ngành chăm sóc sức khoẻ cho toàn dân.

+ Cơ sở lưu trú: Hiện nay huyện đang từng bước đầu tư tuy nhiên vẫn chưa thật sự chú trọng. Theo thống kê sơ bộ của UBND huyện thì cơ sở lưu trú

của huyện bao gồm 2 khách sạn, 20 nhà nghỉ với 308 phòng, nhà khách nhìn chung các phòng nghỉ đều có quy mô vừa và nhỏ, nằm rải rác trong toàn huyện và tập trung nhiều nhất ở thị trấn, hoặc gần các khu công nghiệp.

Do có quy mô nhỏ nên cơ sở lưu trú chủ yếu phục vụ khách qua đường, khách là cán bộ, công nhân của các khu công nghiệp, khách vắng lai, thời gian lưu trú không nhiều.

Thực trạng khai thác của các cơ sở lưu trú vẫn còn nhiều hạn chế, hầu hết các nhà nghỉ, nhà khách chỉ làm nhiệm vụ kinh doanh chỗ ăn nghỉ cho khách còn các dịch vụ khác đều không có.

+ Nhà hàng phục vụ ăn uống: Số lượng các nhà hàng phục vụ ăn uống thường gắn liền với các nhà nghỉ, nhà khách. Ngoài ra còn có các khu dân cư tập trung, thị trấn, các điểm du lịch và dọc đường quốc lộ.

Cũng giống như các nhà nghỉ, quy mô của các cơ sở phục vụ ăn uống phần lớn trung bình và nhỏ, thường phục vụ khách ăn bình dân.

Theo nguồn của phòng văn hoá thông tin huyện, hàng năm số cơ sở phục vụ cho nhu cầu ăn uống là vào khoảng 156 cơ sở. Tập trung chủ yếu ở thị trấn Khoái Châu.

Tiểu kết chương 2

Chương 2 của khoá luận đi sâu vào việc nghiên cứu các điều kiện cung ứng du lịch của huyện Khoái Châu. Qua việc nghiên cứu tiềm năng, có thể đánh giá sơ bộ về tiềm năng cũng như khả năng phát triển du lịch của huyện. Từ đó có cách nhìn khái quát hơn về ngành du lịch của huyện những mặt mạnh và hạn chế cần khắc phục, từ đó có những giải pháp tốt nhất nhằm khai thác tốt nguồn tài nguyên vốn có của huyện.

Khoái Châu có rất nhiều di tích lịch sử văn hoá, đặc biệt là có nhiều di tích được xếp hạng quốc gia, hơn thế nữa Khoái Châu còn là trọng điểm, có sông Hồng chảy qua, đây là một con sông lớn nhất ở vùng đồng bằng Bắc Bộ, với cảnh quan sinh thái hấp dẫn của vùng ven đê, không khí trong lành và còn có những làng vườn, trang trại rộng lớn... Vì vậy kết hợp giữa du lịch văn hoá và du lịch sinh thái sẽ tạo thành một tổng thể tương đối vững chắc cho phát triển du lịch.

CHƯƠNG 3

HIỆN TRẠNG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH CỦA HUYỆN KHOÁI CHÂU VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP

3.1 Hiện trạng hoạt động du lịch của huyện

3.1.1 Vị trí của ngành du lịch trong cơ cấu kinh tế - xã hội huyện Khoái Châu

Khoái Châu là huyện có nhiều tiềm năng để phát triển du lịch, tuy nhiên xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế chung của huyện thì vị trí của ngành du lịch hiện nay vẫn chưa tương xứng với tiềm năng vốn có của nó. Du lịch chưa khẳng định được vai trò là ngành kinh tế quan trọng của địa phương, đóng góp chưa đáng kể trong cơ cấu GDP chung của huyện.

Thực tế cho thấy ngành giữ vai trò chủ đạo của huyện vẫn là ngành nông nghiệp. Trong những năm qua nhờ định hướng phát triển kinh tế công nghiệp, tăng tỷ trọng của các ngành công nghiệp, thủ công nghiệp, xây dựng, và nhóm ngành thương mại – du lịch. Nên trong những năm gần đây nông nghiệp đang có xu hướng giảm dần từ 37,68% năm 2006 xuống còn 33,72% năm 2008. Ngành công nghiệp và xây dựng trong những năm gần đây có nhiều khởi sắc.

Bảng 1. Cơ cấu kinh tế của huyện Khoái Châu từ năm 2006 – 2009

(Đơn vị tính: %)

Ngành	2006	2007	2008	2009
Nông nghiệp	37,67	36,32	33,72	31,09
Công nghiệp – xây dựng	25,52	27,84	30,86	33,97
Thương mại – du lịch	36,81	35,84	35,42	34,94

(Nguồn: Số liệu phòng thống kê huyện năm 2009)

Ngành du lịch huyện trong những năm gần đây doanh thu đã có phần tăng lên đáng kể so với những năm trước. Doanh thu của ngành thương mại – du lịch là ngành có tỷ trọng khá cao tuy nhiên ngành du lịch lại được tính chung với ngành dịch vụ, doanh thu của ngành chưa được thống kê riêng. Những khu vực

được đầu tư chính thì chủ yếu tập trung tại thị trấn Khoái Châu.

Về mặt xã hội thì du lịch có đóng góp vào việc giải quyết công ăn việc làm cho người lao động, tuy nhiên ngành phát triển mới ở dạng tiềm năng nên số lao động tham gia không nhiều. Theo thống kê của phòng văn hoá thông tin cho thấy, số lao động hoạt động trong ngành du lịch năm 2005 là 158 người, năm 2007 tăng lên 202 người. Tuy nhiên chất lượng nguồn lao động còn nhiều hạn chế, tính chuyên môn nghiệp vụ chưa cao, đa số hoạt động theo phong trào tại các điểm du lịch nổi tiếng của huyện.

Nhìn một cách tổng thể có thể thấy được trong những năm gần đây, ngành du lịch của huyện đã bắt đầu có những khởi sắc nhất định, du lịch đã bước đầu được quan tâm. Doanh thu của ngành du lịch cũng có những đóng góp nhất định trong cơ cấu GDP của huyện tuy nhiên chưa nhiều. Thấy được sự đóng góp doanh thu từ hoạt động du lịch. Các cơ quan chức năng của huyện cũng như của tỉnh đã bắt đầu để ý và đã có những đầu tư nhất định cho du lịch của huyện Khoái Châu. Góp phần đưa du lịch của huyện phát triển.

3.1.2 Hiện trạng khách du lịch đến huyện

Trong những năm gần đây ngành du lịch đã có sự phát triển đáng kể. Theo thống kê những năm gần đây lượng khách du lịch đến huyện có sự tăng lên, năm sau cao hơn năm trước. Đây có thể coi là điều đáng mừng cho du lịch của huyện cũng như của tỉnh nhà. Sự phát triển của ngành du lịch không chỉ mang lại doanh thu cho ngành mà nó còn có ý nghĩa thúc đẩy sự phát triển của các ngành khác đi kèm theo nó.

Bảng 2. Thống kê khách du lịch đến huyện từ 2006 – 2009

(Đơn vị tính: Người)

Năm	2006	2007	2008	2009
Khách nội địa	11.000	10.000	12.000	13.000
Khách quốc tế	320	350	410	450
Tổng số khách	11.320	10.350	12.420	13.450

(Nguồn: Phòng văn hoá thông tin huyện Khoái Châu)

Tính đến năm 2009 lượng khách du lịch của huyện là khoảng 13.450 người, trong đó khách nội địa chiếm phần lớn so với khách quốc tế, lượng khách quốc tế từ năm 2007 đến năm 2009 tăng rất ít. Khách du lịch nội địa khá đa dạng, nhưng chủ yếu đến từ các tỉnh, thành phố lân cận như: Hà Nội, Hải Dương, Thái Bình, Nam Định, Hà Nam... Chủ yếu họ đi theo các tour liên tỉnh, liên huyện nên họ chỉ dừng chân trong ngày mà không lưu lại qua đêm, lượng khách đến tập trung chủ yếu vào các tháng đầu năm vì có nhiều lễ hội diễn ra đặc biệt là lễ hội Chử Đồng Tử - Tiên Dung, lễ hội Đình Quan Xuyên, lễ hội Đền Hàm Tử... Do đi theo các tour không lưu lại qua đêm nên mức chi tiêu trung bình của khách rất thấp chỉ khoảng 100 – 150 VND/ khách.

Các địa điểm thu hút khách nhiều nhất của huyện là các di tích lịch sử nổi tiếng của huyện như: Đền Đa Hoà, Đền Hoá Dạ Trạch, Đền Hàm Tử, nhà Thờ bà Hoàng Thị Loan... Kết hợp với việc tham quan du lịch sinh thái ven đê sông Hồng, thăm làng vườn... Việc kết hợp giữa thăm quan các di tích lịch sử kết hợp với việc thăm quan du lịch sinh thái đã góp phần làm thu hút sự chú ý của khách du lịch trong những năm qua.

Thời gian lượng khách đến đông nhất là vào những tháng đầu xuân, đặc biệt là tháng Giêng (âm lịch). Bởi vì trong những tháng này diễn ra rất nhiều lễ hội tại các địa phương trong huyện thu hút một số lượng khách lớn đến dự lễ hội. Do vậy, điều này đã thể hiện tính thời vụ trong du lịch cũng thể hiện ở các đặc điểm trên.

Về thành phần khách du lịch thì chủ yếu là nhóm khách hành hương tham gia vào lễ hội, họ đến các đền, các chùa, các di tích lịch sử trước tiên là để lễ thần, phật. Ngoài mục đích tâm linh ra sau là mục đích tham quan, nghỉ dưỡng. Nhóm khách có mục đích tâm linh chủ yếu là những người trung tuổi, người già có mức chi phí khá, nhóm khách vắng lai tham quan có mức chi phí cao, ngoài ra còn có nhóm khách là học sinh, sinh viên với mục đích chủ yếu là đến tham quan, nghiên cứu và học tập có khả năng chi phí thấp. Mỗi thành phần khách khác nhau lại thể hiện những mức chi tiêu khác nhau của khách tại các điểm,

khu du lịch.

Về khách quốc tế đến huyện là tương đối thấp, xu hướng tăng rất chậm. Họ đến với huyện trên cơ sở cùng các tour du lịch hoặc đến vì mục đích nghiên cứu thị trường, tìm hiểu và ký kết các hợp đồng mua bán với các làng nghề thủ công truyền thống hoặc đầu tư xây dựng khai thác khoáng sản tại Khoái Châu. Do họ đến không theo một thời điểm nhất định nên tính mùa vụ với họ là không có, vì họ đi rải rác không vì hoạt động du lịch. Chủ yếu họ đến tìm hiểu và buôn bán.

Qua các chỉ tiêu đánh giá ở trên có thể thấy vấn đề thu hút khách của huyện đã được cải thiện qua từng năm và đang là địa bàn thu hút khách của tỉnh. Du lịch của huyện đã bước đầu khởi sắc đáng mừng. Điều này thể hiện sự quan tâm đầu tư của tỉnh, huyện cho các hoạt động du lịch đã đạt được những kết quả đáng phấn khởi.

Tuy nhiên vẫn còn rất nhiều hạn chế mà hiện nay huyện chưa giải quyết được đó là sản phẩm dùng cho ngành du lịch không nhiều, chất lượng không đảm bảo, hơn thế nữa các cơ sở lưu trú của huyện còn thiếu thốn rất nhiều, chất lượng phòng không đạt tiêu chuẩn. Khách du lịch không có nhiều để chi tiêu cho các sản phẩm tại địa phương mặt khác do chất lượng các sản phẩm không đảm bảo, không hấp dẫn nên khách du lịch còn phân vân trong cách tiêu tiền của họ. Do đó doanh thu cho hoạt động du lịch không cao. Vì vậy trong tương lai cần phát triển cơ sở vật chất và quảng cáo để lượng khách tăng mạnh hơn, xứng đáng với tiềm năng du lịch của huyện.

3.1.3 Hiện trạng cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch

Sau nhiều lần chia cắt Khoái Châu chính thức được tái lập từ năm 1999, do vậy xuất phát điểm còn rất nhiều khó khăn: Đất ít, người đông, cơ sở vật chất kỹ thuật chưa có gì, hệ thống hạ tầng yếu kém nhất là giao thông, các cơ sở lưu trú... còn nhiều hạn chế.

* Mạng lưới thông tin liên lạc

Hệ thống thông tin liên lạc tại các điểm du lịch huyện hiện nay chưa có

đầy đủ, hệ thống điện thoại, điện tín và Internet tập trung chủ yếu ở các vùng đông dân cư như thị trấn Khoái Châu, hoặc gần các khu công nghiệp. Các điểm du lịch thì lại chưa được đầu tư nhiều. Điều này là một khó khăn trong việc đảm bảo các nhu cầu trao đổi thông tin của khách.

*** Cơ sở lưu trú du lịch**

Cũng như hệ thống thông tin liên lạc, cơ sở lưu trú của huyện tập trung nhiều ở các vùng tập trung đông dân cư, nhưng tại các điểm du lịch thì hầu như rất ít, điều này có thể hiểu vì khách du lịch đến đây hầu như không qua đêm nên chính quyền sở tại cũng như các cơ quan ít chú trọng đầu tư xây dựng các nhà nghỉ, khách sạn tại các điểm du lịch.

Tuy nhiên đây cũng là vấn đề bất cập, khi khách đến đây muốn dừng lại qua đêm thì lại không có hoặc muốn nghỉ lại phải đi xa các điểm du lịch. Cơ sở lưu trú của huyện tuy cũng không phải ít song qui mô chỉ vào loại vừa và nhỏ, trang thiết bị phục vụ còn thiếu rất nhiều, còn nhiều hạn chế trong cách phục vụ mang tính chuyên nghiệp.

*** Cơ sở nhà hàng phục vụ ăn uống**

Hệ thống nhà hàng huyện Khoái Châu chủ yếu tập trung ở thị trấn Khoái Châu hoặc gần các khu công nghiệp, còn tại các điểm du lịch cũng có nhưng hầu như rất ít, các nhà hàng thường có quy mô vừa và nhỏ, các món ăn hầu như đơn giản, một số nhà hàng có phục vụ những món mới lạ.

*** Cơ sở vui chơi giải trí**

Hiện tại huyện đã có đầu tư cho trung tâm thể thao của huyện Dân tiến, hiện đang thu hút đông đảo nhân dân trong huyện tham gia, tổ chức các cuộc thi thể thao. Tuy nhiên các khu vui chơi giải trí, khu du lịch chậm được đầu tư. Nguồn vốn đầu tư còn quá ít chỉ có một vài doanh nghiệp tư nhân đầu tư, chưa thu hút được sự đầu tư của các cá nhân, tổ chức. Đây cũng là một hạn chế làm cho thời gian lưu trú và mức chi tiêu của du khách giảm đi.

*** Hệ thống cung cấp điện nước và cơ sở y tế**

- Hệ thống lưới điện của huyện ngày càng được nâng cấp, đầu tư đảm bảo

cung cấp đủ điện cho hoạt động dân sinh. Điện hầu như đã có mặt ở tất cả các thôn, xóm phục vụ nhu cầu sinh hoạt của nhân dân cũng như nhu cầu cho các ngành công, nông nghiệp, thương mại du lịch.

- Về nước: Hệ thống nước máy đã có mặt ở hầu hết ở các làng, xã. Huyện đã quan tâm đầu tư hai công trình nước sạch và đã đi vào hoạt động, 90% dân trong huyện đã được dùng nước sạch. Đây là một thuận lợi cho việc đảm bảo nguồn nước sạch cho khách du lịch.

- Về y tế: Huyện có 1 bệnh viện, và tại các địa phương đều có trạm y tế xã, 85% số trạm y tế xã, thị trấn bác sỹ đạt tiêu chuẩn. Hiện nay các cơ sở y tế của huyện đang được đầu tư nâng cấp, đội ngũ bác sỹ có trình độ tay nghề ngày càng được bổ sung.

* Hệ thống giao thông vận tải và thông tin liên lạc

Hệ thống giao thông vận tải của huyện hiện nay đang được đầu tư sửa chữa, hiện nay khi mà các công ty xuất hiện ngày càng nhiều trên địa bàn huyện thì vấn đề giao thông đã có nhiều chuyển biến tích cực. Đặc biệt trên các tuyến quốc lộ 39A, 204, 205 ... là những tuyến đường chính hiện nay đang được đầu tư nâng cấp tuy nhiên việc thực hiện còn chậm. Một số tuyến đường đi đến các các điểm du lịch, khu đền Đa Hoà - Dạ Trạch vẫn còn rất nhiều khó khăn, đường nhỏ và chất lượng đường xấu gây lên nhiều hạn chế cho phát triển du lịch.

Giao thông đường thủy: Hệ thống giao thông đường thủy thuận tiện cho việc vận chuyển hàng hoá và đi lại bằng tàu thuyền, nhưng phần lớn các bến bãi chưa được cải tạo, luồng hạch chưa được lạo vét, độ rộng, độ sâu hạn chế gây trở ngại cho việc lưu thông tàu thuyền.

Việc đầu tư quy hoạch phát triển vận chuyển đường sông hầu như chưa có gì, đặc biệt công tác vận chuyển hành khách bằng đường sông chưa được quan tâm đúng mức, chưa đáp ứng nhu cầu về du lịch.

Hệ thống thông tin liên lạc của huyện đã được đầu tư, đáp ứng phần nào nhu cầu trao đổi thông tin của du khách khi đến các điểm du lịch của huyện.

3.1.4 Đánh giá chung

Khoái Châu là huyện có bề dày lịch sử, là nơi tập trung nhiều di tích nổi tiếng, có nhiều tiềm năng cho hoạt động phát triển du lịch. Trong những năm gần đây được sự quan tâm, đầu tư của các cấp các ngành các cơ sở vật chất kỹ thuật và cơ sở hạ tầng đã và đang được đầu tư, nâng cấp. Tuy nhiên vẫn còn nhiều hạn chế và chưa thực sự đánh thức được hoạt động tiềm năng và chưa khai thác hết nguồn tài nguyên du lịch hiện có của huyện.

Do còn chứa đựng những hạn chế nhất định về nhiều lĩnh vực khác nhau, nên du lịch của huyện chưa thực sự được quan tâm đầu tư, nên sự hoạt động du lịch chưa có sự biến chuyển nào đáng kể.

Các cơ sở vật chất kỹ thuật, cơ sở hạ tầng của huyện chưa đáp ứng tiêu chuẩn cho việc phát triển du lịch của huyện tại thời điểm hiện tại cũng như trong tương lai. Việc thiếu thốn các nhà nghỉ, khách sạn, nhà hàng đang là trở ngại lớn cho nhu cầu lưu lại qua đêm của khách du lịch, thêm vào đó đội ngũ hướng dẫn viên du lịch trong huyện lại quá ít, còn nhiều vướng mắc trong khâu tổ chức phân chia địa điểm. Bên cạnh đó thì cũng cần phải nói đến ý thức không cao của những người dân địa phương trong việc bảo vệ và giữ gìn các tài nguyên du lịch vốn có.

Ngoài ra vấn đề quảng bá, tiếp thị hiện nay không được chú trọng đầu tư, tuy ở điểm di tích Chử Đồng Tử - Tiên Dung đã xuất hiện những tờ rơi giới thiệu về di tích tuy nhiên vẫn còn nhiều hạn chế, tại các điểm du lịch khác thì chưa có.

Có nhiều điểm du lịch trong huyện đã bước đầu được đầu tư khai thác song bên cạnh đó thì nhiều điểm du lịch khác trong huyện vẫn còn ở dạng tiềm năng. Tại các điểm được khai thác đã bắt đầu xuất hiện tình trạng vứt rác bừa bãi gây ảnh hưởng đến môi trường và đặc biệt là trong các dịp lễ hội lượng du khách đến đông, vấn đề môi trường lại ít được quan tâm lên sau mỗi mùa lễ hội thì các điểm du lịch trở thành vấn đề nhức nhối của người dân địa phương vì lượng chất thải quá nhiều. Qua đây có thể rút ra được một số thuận lợi và khó

khăn của huyện như sau:

*** Thuận lợi:**

- Khoái Châu là địa bàn dân cư tập trung đông đúc, trong những năm qua kinh tế - văn hoá – xã hội được ổn định và phát triển, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân ngày càng được nâng cao.

- Lợi thế lớn nhất của huyện để phát triển du lịch đó vị trí địa lý. Nằm ở trung tâm đồng bằng sông Hồng, kề cận với thủ đô Hà Nội – trung tâm du lịch của cả nước, Khoái Châu chẳng những có lợi thế trong việc thu hút các đoàn khách đến thăm Hà Nội mà còn là địa điểm tổ chức các khu nghỉ dưỡng cuối tuần lý tưởng cho dân cư thủ đô sau những ngày làm việc mệt mỏi với không gian chật hẹp muốn nghỉ ngơi nơi cảnh quan thoáng đãng của vùng đồng quê yên ả. Hiện tại huyện đã có những khu nghỉ dưỡng cuối tuần tại Đa Hòa – Dạ Trạch, du lịch sinh thái cảnh quan bãi bồi ven sông đầm Dạ Trạch, trong tương lai có thể phát triển du lịch sinh thái ở xã Tân Dân huyện Khoái Châu, đây là một trong những xã nằm trong vùng trọng điểm du lịch sinh thái sông Hồng tiếp giáp với thủ đô Hà Nội.

- Khoái Châu là huyện ở vùng đồng bằng, không có núi, không có biển, không có rừng, hiện tại được đánh giá là huyện có tài nguyên du lịch kém phong phú và hấp dẫn so với nhiều vùng lân cận. Tuy nhiên Khoái Châu lại có các khu di tích lịch sử văn hoá như khu di tích Đa Hoà - Dạ Trạch với truyền thuyết đặc sắc và lễ hội Chử Đồng Tử - Tiên Dung hàng năm thu hút hàng vạn du khách về thăm. Khoái Châu còn có tuyến đê sông Hồng với cảnh quan sinh thái hấp dẫn, không khí trong lành và một số loại cây đặc sản như chuối Tiêu Hồng... Đó là những tài nguyên vô cùng quý báu, là cơ sở để Khoái Châu xây dựng và phát triển thành các khu du lịch tổng hợp hấp dẫn, độc đáo bổ sung cho thị trường sản phẩm du lịch của trung tâm Hà Nội và phụ cận.

*** Khó khăn:**

- Du lịch của Khoái Châu đang ở trong giai đoạn đầu của sự phát triển, lao động du lịch còn nhiều hạn chế, chưa được quan tâm khai thác để tương xứng

với tiềm năng, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của huyện còn nhiều hạn chế.

- Yêu cầu về chất lượng sản phẩm du lịch ngày càng cao.

- Hạ tầng, giao thông đến các di tích, cảnh quan còn hạn chế. Tuy thời gian gần đây việc bảo vệ, tôn tạo các tài nguyên du lịch đã được đặt ra nhưng thực tế vẫn chưa đạt hiệu quả.

- Đội ngũ cán bộ lao động trong ngành du lịch còn thấp. Nhận thức của một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân về du lịch còn hạn chế.

Vì vậy vấn đề cơ bản cần thiết phải đánh giá đúng tài nguyên du lịch của huyện. Các cấp các ngành cần phải quy hoạch đầu tư tôn tạo, bảo vệ và khai thác một cách tốt nhất tài nguyên du lịch, đưa du lịch sớm trở thành ngành kinh tế quan trọng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

3.2 Các giải pháp phát triển du lịch của huyện

3.2.1 Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, phát triển cơ sở hạ tầng

Việc phát triển du lịch của một vùng, một địa phương, một tỉnh hay một quốc gia không thể không gắn liền với việc đầu tư xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật. Đây là một yếu tố quan trọng trong việc phát triển hay không phát triển của một điểm du lịch. Yếu tố này có mối quan hệ qua lại khăng khít với nguồn tài nguyên, giúp cho việc khai thác hết những tiềm năng mà bản thân nó vốn có.

Hơn thế nữa, xuất phát điểm nền kinh tế chung của huyện còn ở mức độ thấp, tăng trưởng kinh tế chưa vững và chưa tương xứng với tiềm năng của huyện do đó hệ thống cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật còn thiếu, chưa đồng bộ, chưa đáp ứng được yêu cầu đa dạng của du khách. Vì vậy cần phải đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật.

Vấn đề điện nước cung cấp điện và nước cần được chú trọng đầu tư nâng cấp. Đảm bảo nguồn điện dồi dào và đặc biệt là nguồn nước phải đảm bảo đầy đủ, sạch sẽ và hợp vệ sinh cho các nhu cầu của khách du lịch. Thiếu nước hoặc nguồn nước mất vệ sinh là yếu tố gây mất niềm tin và khó chịu cho du khách nhất là trong những ngày hè nóng bức. Việc đảm bảo cung cấp nguồn điện, nước

sẽ giúp cho các ngành nghề thủ công phát triển đem lại các sản phẩm cho nhu cầu du lịch.

Vấn đề thông tin liên lạc thì cần đầu tư nhiều, chủ yếu là các trạm thông tin, điện thoại tại các nơi du lịch, các điểm du lịch, để khách du lịch có thể trao đổi thông tin một cách dễ dàng.

Cần tạo nên các tuyến du lịch hấp dẫn đối với du khách trong và ngoài tỉnh như tuyến: Hà Nội – Hưng Yên, Hà Nội – Hưng Yên - Hải Dương...

Khoái Châu là vùng có tiềm năng du lịch rất lớn nhưng lại chưa được khai thác và phát triển nên đòi hỏi có sự quan tâm cũng như đầu tư hơn nữa về cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật nhằm khai thác tốt các tiềm năng sẵn có của địa phương, biến tiềm năng này trở thành các điểm du lịch.

Việc quan trọng và bức thiết hiện nay là tập trung đầu tư đi đôi với quy hoạch tổng thể các điều kiện có thể phát triển du lịch, sau đó là đa dạng hoá các loại hình sản phẩm du lịch nhằm đáp ứng nhu cầu của nhiều đối tượng khách.

Cùng với việc xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật. Đây là yếu tố quan trọng liên quan đến thời gian lưu trú của khách. Vì vậy cần có sự tập trung đầu tư và hoàn thiện cơ sở kỹ thuật như:

+ Cơ sở lưu trú: Cần phải xây dựng thêm các nhà nghỉ, nhà khách, khách sạn mới đủ tiêu chuẩn kinh doanh trong lĩnh vực du lịch.

+ Cơ sở ăn uống: Ngoài những cơ sở ăn uống đã có thì cần xây dựng thêm các cơ sở phục vụ ăn uống chuyên phục vụ cho lĩnh vực này đảm bảo chất lượng vệ sinh và an toàn thực phẩm.

+ Xây dựng các cửa hàng chuyên bán các sản phẩm là đồ lưu niệm của địa phương làm ra, các sản phẩm đặc trưng của vùng.

+ Cơ sở vui chơi giải trí: Là yếu tố góp phần làm đa dạng cho các loại hình du lịch, giúp kéo dài thời gian lưu trú qua đêm của khách. Đa dạng hoá và nâng cao chất lượng sản phẩm, chất lượng phục vụ khách tại các khu, điểm du lịch.

3.2.2 *Đẩy mạnh công tác quy hoạch và huy động vốn đầu tư*

* **Đẩy mạnh công tác quy hoạch phát triển du lịch:**

- Đẩy mạnh việc nâng cao chất lượng quản lý và quy hoạch tổng thể phát triển du lịch. Tổ chức các việc quảng bá, tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Phát huy vai trò của cộng đồng trong việc xây dựng và quản lý quy hoạch. Đặc biệt cần phải thu hút sự chú ý và tham gia của các chuyên gia quốc tế.

* **Về huy động vốn đầu tư:**

- Thực hiện xã hội hoá nguồn vốn đầu tư phát triển du lịch theo hướng sau:

+ Đối với vốn đầu tư cơ sở hạ tầng, vốn quy hoạch và hỗ trợ phát triển du lịch, chủ yếu huy động nguồn ngân sách.

+ Khai thác nguồn vốn đầu tư hạ tầng du lịch và lồng ghép các chương trình du lịch, phát triển kinh tế - xã hội địa phương, để đầu tư xây dựng, cải tạo và nâng cấp cơ sở hạ tầng tại các điểm du lịch.

+ Cần có những chính sách khuyến khích các nhà đầu tư bỏ vốn xây dựng cơ sở hạ tầng đầu nối đến các điểm du lịch. Sau đó huyện sẽ hoàn trả vốn đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước, thu được từ kết quả của hoạt động kinh doanh du lịch.

+ Khai thác nguồn vốn đầu tư từ các chương trình hợp tác quốc tế của tổng cục du lịch để tăng cường đầu tư cho hoạt động du lịch của huyện.

+ Đối với vốn đầu tư xây dựng các sản phẩm du lịch: Do các nhà đầu tư thực hiện.

+ Khuyến khích các ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư vay vốn nhằm triển khai các dự án du lịch trên địa bàn huyện với lãi suất ưu đãi, thủ tục đơn giản.

3.2.3 *Khai thác gắn liền với bảo vệ và giữ gìn môi trường sinh thái*

Sự phát triển của một điểm du lịch hay một vùng du lịch có được bền vững hay không, phụ thuộc nhiều vào việc khai thác tài nguyên một cách hợp lý,

bảo vệ và giữ gìn môi trường sinh thái không chỉ tại nơi có tài nguyên du lịch mà cả các vùng phụ cận khác.

Biện pháp bảo vệ và giữ gìn cảnh quan môi trường là một việc hết sức quan trọng trên con đường đưa du lịch huyện Khoái Châu nói riêng, du lịch Hưng Yên nói chung phát triển đi lên ngang tầm với du lịch các tỉnh lân cận. Việc đầu tư, khai thác đưa tiềm năng du lịch trở thành tài nguyên du lịch đòi hỏi phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định liên quan đến việc bảo vệ môi trường sinh thái, tránh việc can thiệp quá mức, thô bạo vào môi trường làm biến đổi các thành phần của môi trường gây lên những biến đổi khôn lường.

Vấn đề đưa các điểm du lịch vào khai thác phải tuân thủ và đáp ứng mối quan hệ qua lại giữa khai thác và bảo vệ, cả hai cùng tương hỗ cho nhau để có được sự phát triển bền vững.

Hiện nay việc khai thác tài nguyên du lịch của huyện còn chưa tương xứng với tiềm năng. Vì vậy, để việc khai thác có hiệu quả trong hiện tại cũng như trong tương lai đòi hỏi cần có sự quan tâm, đầu tư của tỉnh của Nhà nước giúp cho việc khai thác và bảo vệ tài nguyên không bị cạn kiệt.

Việc phát triển du lịch bền vững cần được tiến hành ngay từ bây giờ, vấn đề này đòi hỏi uỷ ban nhân dân huyện cũng như uỷ ban nhân dân tỉnh đưa ra các văn bản ban hành những luật riêng.

Những di tích lịch sử các cấp cần được trùng tu tôn tạo thường xuyên tránh xuống cấp việc trùng tu cần được tiến hành một cách khoa học mà vẫn giữ nguyên được các nét giá trị văn hoá, kiến trúc vốn có của nó. Giữ gìn môi trường trong lành là ưu tiên hàng đầu trong việc phát triển du lịch tự nhiên gắn với du lịch nhân văn của huyện, có như vậy khách du lịch mới được cảm nhận hết những vẻ đẹp của mảnh đất nơi đây, tìm thấy sự thoải mái khi dừng chân tại điểm du lịch này.

3.2.4 Đẩy mạnh công tác xúc tiến, quảng bá cho các điểm du lịch

Để góp phần vào vào sự phát triển du lịch huyện Khoái Châu, tạo dựng được một hình ảnh hấp dẫn trong lòng du khách, thu hút được sự quan tâm của

các nhà đầu tư thì công tác xúc tiến, tuyên truyền quảng cáo là một nhiệm vụ tất yếu và cần thiết. Đây thực sự trở thành một nội dung hoạt động quan trọng trong quá trình phát triển du lịch.

Công tác tuyên truyền, quảng bá phải đạt được mục tiêu đưa hình ảnh về cảnh quan tự nhiên, khí hậu và con người Khoái Châu đến với du khách trong và ngoài nước, để họ đến và ở lại với đất và con người nơi đây. Cần tiến hành các hoạt động liên kết xúc tiến du lịch với các tỉnh khác trong khu vực, các công ty du lịch trong cả nước. Tập trung quảng bá, xúc tiến, nâng cao chất lượng các sản phẩm du lịch tại các điểm du lịch. Ban hành các cơ chế, chính sách về đầu tư giải phóng mặt bằng cho các dự án có quy mô, trọng điểm.

Tiến hành tổ chức các lễ hội, sự kiện văn hoá du lịch hàng năm cho các điểm du lịch của huyện. Ngoài ra, hàng năm nên tổ chức các cuộc thi nghiên cứu, xây dựng các khẩu hiệu cho du lịch Khoái Châu để từ đó định hướng phát triển các sản phẩm du lịch. Xây dựng mẫu hình ảnh ấn phẩm thông tin thống nhất để tạo thương hiệu.

Khuyến khích các tổ chức, cá nhân và cộng đồng tham gia xây dựng và thành lập hợp tác xã, các câu lạc bộ, làng nghề truyền thống. Qua đó từng bước nâng cao tiếp cận thị trường, mở rộng thị trường.

Cần đa dạng hoá các hình thức quảng cáo, chú trọng hình thức truyền miệng và quảng cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng: Đài phát thanh và truyền hình thành phố Hưng Yên, trang Website của thành phố, các báo và tạp chí du lịch... Chú trọng đối tượng quảng cáo, đảm bảo các thông tin phong phú, hấp dẫn, đặc sắc và có thể tạo các chiến dịch quảng cáo.

Để tăng cường tuyên truyền, quảng bá cho du lịch đòi hỏi phải có sự hỗ trợ của nhà nước và địa phương về cơ chế chính sách cũng như ngân sách để thành lập vận hành các văn phòng xúc tiến, phát triển du lịch. Sau đó đưa các tour, các chương trình du lịch tới các đại lý lữ hành, các kênh phân phối để họ tự chào bán, giới thiệu. Đây là hình thức quảng cáo rất hiệu quả và còn đỡ tốn kém thu hút được nguồn khách lớn lại giảm được chi phí xúc tiến.

Ngoài ra còn tận dụng cơ hội để tổ chức hoặc tham gia các sự kiện văn hoá, thể thao, các hội chợ ẩm thực, hội chợ làng thủ công mỹ nghệ, các buổi triển lãm, các buổi biểu diễn liên hoan văn nghệ, các lễ kỉ niệm quan trọng.

Cần đẩy mạnh phối hợp các trung tâm thông tin du lịch ở các thành phố lớn, các hãng lữ hành lớn, các đơn vị vận tải, hàng không, đường sắt, đường bộ... Mở các văn phòng đại diện trong nước để thực hiện các chức năng về dịch vụ lễ hội và xúc tiến tiếp thị các hình thức quảng bá.

3.2.5 Nâng cao hiểu biết và thu hút cộng đồng cộng đồng tham gia vào các hoạt động du lịch

Để thu hút được cộng đồng địa phương tham gia vào hoạt động phát triển du lịch cần hỗ trợ đào tạo cộng đồng địa phương những kiến thức cơ bản nhất về chuyên môn nghiệp vụ du lịch với khối lượng kiến thức đơn giản nhất. Cần lưu ý rằng những người dân bản địa chỉ cần được đào tạo để biết cách phục vụ khách tốt nhất hơn chứ không phải là những nhân viên chuyên nghiệp trong các nhà hàng, khách sạn từ đó tránh đặt ra những yêu cầu vượt quá khả năng của họ.

Không chỉ quan tâm đến công tác đào tạo mà ngành du lịch cần phải đáp ứng các nhu cầu cơ sở hạ tầng tối thiểu tại các cộng đồng dân cư tổ chức hoạt động du lịch bao gồm: Đường đi thuận lợi, điện lưới, nước sạch và thông tin liên lạc. Bên cạnh đó cần có chính sách hỗ trợ kinh phí.

Việc đảm bảo lợi ích cộng đồng, làm cho người dân biết được giá trị của họ thu được từ phát triển du lịch, đảm bảo cuộc sống của họ thì họ sẽ tích cực ủng hộ phát triển du lịch và tự giác thực hiện việc bảo tồn, bảo vệ môi trường.

3.2.6 Xây dựng và bổ sung hoàn thiện các tuyến du lịch liên huyện, liên tỉnh

Đây là một trong những giải pháp quan trọng mà huyện đã và đang tiến hành thực hiện. Tuy nhiên để thực hiện được giải pháp này thì trước hết phải hoàn thiện các giải pháp nêu trên, có như vậy việc triển khai giải pháp xây dựng bổ sung và hoàn thiện các tuyến du lịch liên huyện, liên tỉnh mới có hiệu quả.

Hiện tại huyện đã mở các tuyến du lịch liên huyện đó là các tuyến: Tuyến du lịch Hưng Yên – Đa Hoà - Dạ Trạch (theo quốc lộ 39A- TL199 – TL206),

tuyến du lịch sinh thái đê sông Hồng thành phố Hưng Yên – Đa Hoà - Dạ Trạch – Xuân Quan...Đã thu hút nhiều lượng khách trong và ngoài tỉnh tham gia. Tuy nhiên do các cơ quan chức năng tại cơ sở còn thiếu kinh nghiệm chuyên môn, nghiệp vụ về lĩnh vực du lịch nên số lượng khách cư trú tại huyện tham quan các điểm du lịch không thật sự nhiều. Đây là hạn chế mà thời gian đầu huyện chưa thể khắc phục được.

Trong những năm gần đây được sự quan tâm của các cấp, các ngành các tuyến du lịch huyện Khoái Châu ngày càng được tăng cường và mở rộng, hiện tại đã thu được những kết quả đáng kể, bằng chứng là số lượng khách đến và lưu lại huyện có sự gia tăng hơn so với những năm trước. Vấn đề hiện nay là hoàn thiện hơn nữa các tuyến du lịch của huyện Khoái Châu và một số tuyến khác để tuyến du lịch trọng điểm không chỉ của huyện mà là của cả tỉnh Hưng Yên. Do đó cần có sự quan tâm đầu tư của các cơ quan chức năng trong việc quảng bá và thu hút nguồn nhân lực tham gia vào các hoạt động du lịch của huyện nói riêng và của tỉnh nói chung.

Hiện nay số lượng du khách đi theo các tour đến từ các các nơi như: Hà Nội, Hải Dương, Thái Bình, Nam Định, Hà Nam... có xu hướng tăng lên. Tuy nhiên lượng khách ở lại lưu trú tại huyện Khoái Châu lại không nhiều. Đây có thể là do cơ sở vật chất của huyện chưa đáp ứng hoặc các hoạt động du lịch chưa thực sự hấp dẫn. Vì vậy du lịch của huyện cần có sự bổ sung và hoàn thiện các tuyến du lịch, tạo ra sự hấp dẫn, nhằm biến mảnh đất nơi đây không chỉ trở thành nơi chung chuyển mà còn là nơi dừng chân của du khách đầu tư tôn tạo hơn nữa các tuyến sinh thái nghỉ dưỡng cuối tuần, du lịch sinh thái hiện nay đang là mục tiêu hướng đến của các du khách, nhất là các du khách ở các thành phố lớn như Hà Nội có xu hướng về các vùng có khí hậu trong lành, cảnh đồng quê yên tĩnh, sống cuộc sống bình dị của những ngày được nghỉ ngơi sau những ngày làm việc mệt nhọc.

Để thực hiện được các mục tiêu trên đòi hỏi có sự hợp tác của các cơ quan chức năng của huyện, giữa các công ty lữ hành của các tỉnh và mối dây liên hệ

giữa các nhà hàng, khách sạn, các điểm du lịch của các tỉnh, huyện với nhau. Có như vậy việc triển khai các tuyến du lịch này mới có hiệu quả cao.

* Các tuyến du lịch chính

- Tuyến du lịch Hưng Yên Đa Hòa – Dạ Trạch (theo quốc lộ 39A - TL199 – TL206).

Các đối tượng tham quan chính:

- + Các di tích lịch sử tại thành phố Hưng Yên – Phố Hiến
- + Thăm các di tích lịch sử văn hóa Đa Hòa – Dạ Trạch
- + Lễ hội Chử Đồng Tử - Tiên Dung
- + Thăm đầm Dạ Trạch
- + Làng gốm Xuân Quan
- + Du lịch sinh thái cảnh quan sông Hồng.
- + Thời gian tham quan 1 – 2 ngày, phụ thuộc vào các điểm tham quan phụ.
- + Địa điểm lưu trú: Tại khu nghỉ dưỡng cuối tuần Đa Hòa – Dạ Trạch, các khách sạn tại thành phố Hưng Yên.

- Tuyến du lịch sinh thái đê sông Hồng thành phố Hưng Yên – Đa Hòa – Dạ Trạch – Xuân Quan:

Các đối tượng tham quan chính:

- Các di tích lịch sử, lễ hội tại thành phố Hưng Yên, Phố Hiến.
- Cảnh quan đê sông Hồng
- Đầm Dạ Trạch
- Các di tích lịch sử, văn hóa Đa Hòa – Dạ Trạch
- Lễ hội
- Làng nghề Xuân Quan.

KẾT LUẬN

Qua việc nghiên cứu, tìm hiểu đánh giá nguồn tài nguyên du lịch của huyện Khoái Châu, chúng ta đã có một cái nhìn khái quát hơn về ngành du lịch của Khoái Châu.

Sau khi đi sâu vào việc nghiên cứu đề tài này tác giả xin rút ra một số vấn đề như sau:

- Để phát triển du lịch của một vùng nào đó thì trước hết vùng đó phải có các tiềm năng như: Các tài nguyên, cơ sở vật chất kỹ thuật, các chính sách phát triển du lịch...

- Khoái Châu là một huyện của tỉnh Hưng Yên có nhiều tài nguyên để phát triển du lịch: Tài nguyên tự nhiên, tài nguyên nhân văn, cơ sở vật chất kỹ thuật.

- Hiện trạng hoạt động du lịch của huyện chưa thực sự phát triển cụ thể: Lượng khách đến huyện chưa nhiều, cơ sở vật chất kỹ thuật còn thiếu và yếu.

Do đó, để phát triển Khoái Châu tương xứng với tiềm năng. Tác giả xin đưa ra một số các giải pháp như sau:

- Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ phát triển du lịch
- Đẩy mạnh công tác quy hoạch và huy động vốn
- Khai thác gắn liền với bảo vệ và giữ gìn môi trường sinh thái
- Đẩy mạnh công tác xúc tiến, quảng bá cho du lịch
- Nâng cao hiểu biết và thu hút cộng đồng tham gia
- Xây dựng và bổ sung hoàn thiện các tuyến du lịch liên huyện, liên tỉnh.

Khuyến nghị:

Sở văn hoá thông tin du lịch tỉnh và huyện cần có sự liên hệ, liên kết với các công ty lữ hành trong tỉnh, đặc biệt là các công ty lữ hành của các tỉnh lân cận, triển khai các tuyến du lịch trong tỉnh cũng như huyện, đưa Khoái Châu trở thành một điểm du lịch trong các tour du lịch.

Bên cạnh đó có kế hoạch hỗ trợ, tuyên truyền, quảng bá cho những sản

phẩm du lịch của tỉnh, của huyện.

Ủy ban nhân dân tỉnh, huyện nên đầu tư tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa ở huyện đã bị hư hại, xuống cấp. Các di tích lịch sử văn hoá là đối tượng du lịch nên cũng phải hướng tới các lợi ích mà du lịch đem lại. Những di tích lịch sử văn hoá đã được xếp hạng nên khôi phục, bảo vệ, giữ gìn nghiêm ngặt, tránh tình trạng khôi phục nhưng lại làm mất đi các giá trị lịch sử vốn có của di tích đó. Đồng thời giải quyết các tình trạng lấn chiếm, xâm phạm di tích do không có ai quản lý.

Những người dân địa phương trong huyện làm du lịch thường thiếu thông tin về những mong muốn đòi hỏi của du lịch. Đa số họ còn ít hiểu biết về hoạt động du lịch, về thị trường và nhu cầu của khách du lịch. Vì vậy cần có sự hỗ trợ , giáo dục, tuyên truyền của chính quyền địa phương, ủy ban nhân dân huyện, phòng văn hoá huyện ...

Do lần đầu tiên làm quen với công việc nghiên cứu vì thế không thể không tránh khỏi những hạn chế và thiếu sót. Vì vậy em rất mong có được sự chỉ bảo của các thầy cô giáo và những ý kiến đóng góp của các bạn để bài khoá luận được hoàn thiện hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật du lịch Việt Nam, NXB Chính trị Quốc gia, 2006.
2. Những di tích danh thắng tiêu biểu Phố Hiến – Hưng Yên, NXB Văn hóa – Thông tin, 2005.
3. Tổng cục du lịch, Non nước Việt Nam, 2005.
4. Trần Đức Thanh, Nhập môn khoa học du lịch, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2000.
5. Lê Thông, Địa danh văn hóa Việt Nam, Viện văn hóa – Bộ văn hóa thông tin, NXB Thanh niên, Hà Nội, 1991.
6. Nguyễn Minh Tuệ và nhóm tác giả, Địa lý du lịch, NXB thành phố Hồ Chí Minh, 1997.
7. Bùi Thị Hải Yến, Tài nguyên du lịch, NXB Giáo dục, 2006.
8. Sở văn hóa – Thông tin Hưng Yên, Danh nhân Hưng Yên, tháng 12 năm 2006.
9. Sở văn hóa – Thông tin Hưng Yên, Hưng Yên 170 năm, 2001

LỜI CẢM ƠN

Với mỗi sinh viên việc được làm khóa luận là một niềm vinh dự, một khát khao trong bốn năm học đại học. Giờ đây niềm vinh dự ấy đã đến với rất nhiều bạn trong số chúng em, khóa luận được hoàn thành là một kỷ tích đầu tiên trong đời sinh viên. Để có được điều đó lời đầu tiên em xin bày tỏ lòng biết ơn trân thành tới các thầy cô trong ngành văn hóa du lịch đã tận tâm chỉ bảo, giúp đỡ chúng em trong 4 năm học vừa qua.

Đặc biệt em xin trân trọng gửi lời cảm ơn đến cô PGS.TS Nguyễn Thị Hải người đã trực tiếp chỉ bảo, hướng dẫn và giúp đỡ chúng em trong thời gian làm đề tài khóa luận vừa qua.

Để có được số liệu đảm bảo tính chính xác và đầy đủ trong đề tài. Em cũng xin cảm ơn đến Phòng văn hóa thông tin huyện Khoái Châu đã tạo điều kiện thuận lợi cũng như cung cấp các thông tin để em có thể hoàn thành khóa luận này.

Do thời gian nghiên cứu, tìm hiểu và do kiến thức còn hạn chế. Khóa luận không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong được sự chỉ bảo, góp ý và thông cảm của các thầy cô.

Em xin chân thành cảm ơn !

Hải Phòng, ngày 20 tháng 6 năm 2010

Sinh viên

Nguyễn Thị Huệ

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài	1
2. Mục đích và nhiệm vụ của đề tài	2
3. Giới hạn và phạm vi nghiên cứu	3
4. Phương pháp nghiên cứu.....	3
5. Ý nghĩa của đề tài.....	4
6. Cấu trúc của khoá luận	4
CHƯƠNG 1: CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH	5
1.1 Cầu và các nhân tố tạo cầu du lịch.....	5
1.1.1 Khái niệm về nhu cầu du lịch.....	5
1.1.2 Sự phát triển của nền sản xuất.....	6
1.1.3 Dân cư và đặc điểm kinh tế xã hội của dân cư	6
1.1.4 Thời gian nhàn rỗi	7
1.1.5 Quá trình đô thị hóa và sức ép môi trường	7
1.2 Cung và khả năng cung ứng nhu cầu du lịch	8
1.2.1 Cung trong du lịch.....	8
1.2.2 Tài nguyên du lịch.....	9
1.2.3 Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật.....	21
CHƯƠNG 2 CÁC ĐIỀU KIỆN CUNG ỨNG DU LỊCH CỦA HUYỆN KHOÁI CHÂU	24
2.1 Giới thiệu khái quát về huyện Khoái Châu	24
2.2 Các điều kiện tự nhiên và tài nguyên du lịch tự nhiên.....	26
2.3 Điều kiện kinh tế xã hội và tài nguyên du lịch nhân văn.....	28
2.3.1 Điều kiện kinh tế xã hội	28
2.3.2 Tài nguyên du lịch nhân văn	30
2.4 Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật.....	56

CHƯƠNG 3. HIỆN TRẠNG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH CỦA HUYỆN KHOÁI CHÂU VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP	60
3.1 Hiện trạng hoạt động du lịch của huyện	60
3.1.1 Vị trí của ngành du lịch trong cơ cấu kinh tế - xã hội huyện Khoái Châu	60
3.1.2 Hiện trạng khách du lịch đến huyện.....	61
3.1.3 Hiện trạng cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch	63
3.1.4 Đánh giá chung.....	66
3.2 Các giải pháp phát triển du lịch của huyện	68
3.2.1 Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, phát triển cơ sở hạ tầng	68
3.2.2 Đẩy mạnh công tác quy hoạch và huy động vốn đầu tư	70
3.2.3 Khai thác gắn liền với bảo vệ và giữ gìn môi trường sinh thái.....	70
3.2.4 Đẩy mạnh công tác xúc tiến, quảng bá cho các điểm du lịch.....	71
3.2.5 Nâng cao hiểu biết và thu hút cộng đồng cộng đồng tham gia vào các hoạt động du lịch.....	73
3.2.6 Xây dựng và bổ sung hoàn thiện các tuyến du lịch liên huyện, liên tỉnh ..	73
KẾT LUẬN	76
TÀI LIỆU THAM KHẢO	78

PHỤ LỤC



BẢN ĐỒ HUYỆN KHOÁI CHÂU



Đền Đa Hòa



Đền Dạ Trạch



Lễ hội đèn Chử Đồng Tử - Tiên Dung



Đền Mạn Xuyên



Lễ hội Đình Quan Xuyên



Sản phẩm từ Bèo Tây



Chả gà Tiểu Quan



Hát Trống Quân